

BẢN TIN

SỐ 02 - THÁNG 10/2021

js.vnu.edu.vn

KHOA HỌC &  
CÔNG NGHỆ

ĐHQGHN

HÀNH TRÌNH

*vươn tới*

5 TOP



## TRONG SỐ NÀY

### TIN TỨC

### TIÊU ĐIỂM

10. Tiếp cận xu hướng nghiên cứu của thế giới - THUYẾT ĐIỂM

### GƯƠNG MẶT

14. Nữ giảng viên trẻ với tình yêu dành cho tiếng Nga và nghiên cứu khoa học - LỆ THỦY

17. Người truyền lửa đam mê nghiên cứu khoa học - VSL

### CHUYỂN ĐỔI SỐ

20. Hành trình vươn tới top 50 - TS. NGUYỄN HOÀNG SƠN

24. Chuyển đổi số trong đào tạo Thạc sĩ Quốc tế - TRANG HUỲNH NHƯ

### KH, CN & ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

26. Hoạt động tư vấn chính sách tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, những kết quả và yêu cầu mới đặt ra - PGS.TS ĐÀO THANH TRƯỜNG

30. Kỹ thuật kiểm tra đánh giá hiện đại - GS.TS. NGUYỄN TIẾN THẢO

32. Liệu pháp tế bào gốc trong điều trị COVID-19 - HOÀNG THỊ MỸ NHUNG, NGUYỄN XUÂN HÙNG, THÂN THỊ TRANG UYÊN, NGUYỄN LĨNH TOÀN

36. COVID-19 qua lăng kính du lịch - PHẠM HỒNG LONG

### ONE VNU

40. Quản trị công ty trong ngân hàng - VSL

### CHUYÊN GIAO TRI THỨC & KHỞI NGHIỆP

44. Hệ thống tự động hóa công đoạn kiểm tra linh kiện trong dây chuyền sản xuất công nghiệp - TUYẾT ANGA

### KHOA HỌC THƯỜNG THỨC

46. Điều trị COVID-19 ở Vương Quốc Anh - VNU-JMPS

### SÁCH HAY

Trách nhiệm hình sự và hình phạt - TUỆ ANH



## TẠP CHÍ KHOA HỌC

Tầng 7, C1T, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

(024) 37549720

tckh@vnu.edu.vn

<https://www.js.vnu.edu.vn>

<https://www.facebook.com/khoahocvacongngheVNU>

<https://www.youtube.com/VNU.DHQG>

### CỔ VẤN KHOA HỌC

GS. TS. Lê Quân

GS. TS. Nguyễn Hữu Đức

GS. TS. Nguyễn Quý Thanh

GS. TS. Nguyễn Thanh Hải

GS. TS. Nguyễn Văn Kim

GS. TS. Vũ Đức Nghị

PGS. TS. Trần Quốc Bình

PGS. TS. Đào Thanh Trường

PGS. TS. Lâm Quang Đông

PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú

PGS.TS. Trần Xuân Tú

PGS. TS. Lưu Thế Anh

PGS. TS. Trịnh Tiến Việt

PGS. TS. Đặng Thị Thu Hương

### Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS.TS. Phạm Bảo Sơn

### Phụ trách nội dung

PGS.TS. Vũ Văn Tích

PGS.TS. Trương Vũ Bằng Giang

### Tổ chức thực hiện

ThS. Bùi Thị Việt Hà

ThS. Ngô Thị Thu Bình

ThS. Nguyễn Đức Phương

## Kiến toàn nhân sự Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ nhiệm kỳ 2021-2026

Ngày 11/10/2021, Giám đốc ĐHQGHN Lê Quân đã ký ban hành các quyết định kiến toàn nhân sự của Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ.

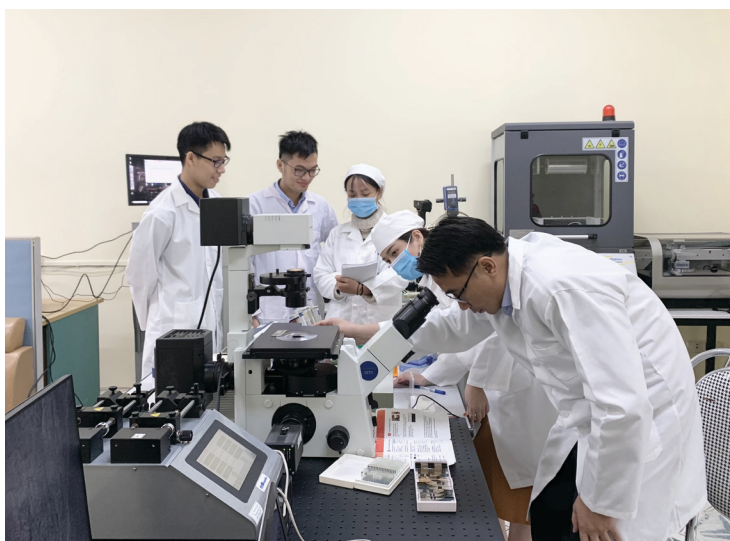
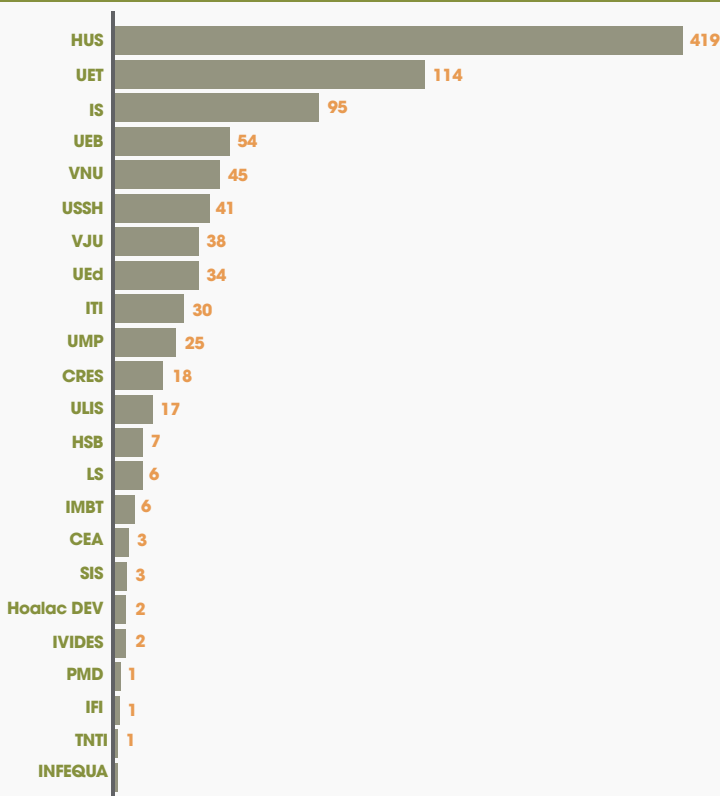
Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ (KHCN) - Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập theo quyết định số 3042/QĐ-KHCN ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Quỹ KHCN là đơn vị trực thuộc ĐHQGHN, là tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, kể cả ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

Quỹ KHCN là tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động theo luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo các quy định của ĐHQGHN. Hoạt động của Quỹ KHCN nhằm tài trợ, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ và nâng cao vị thế của ĐHQGHN, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### Hội đồng quản lý Quỹ

- GS.TS. Lê Quân, Giám đốc ĐHQGHN - Chủ tịch Hội đồng
- PGS.TS. Phạm Bảo Sơn, Phó Giám đốc ĐHQGHN - Phó Chủ tịch Hội đồng
- PGS.TS. Vũ Văn Tích, Trưởng Ban Khoa học Công nghệ - Ủy viên
- PGS.TS. Phạm Xuân Hoan, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính - Ủy viên
- PGS.TS. Nguyễn Hiệu, Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ - Ủy viên

## SỐ LƯỢNG BÀI BÁO ISI/SCOPUS ĐHQGHN NĂM 2021 (Cập nhật đến 9/2021)



- GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức, Trưởng Ban Đào tạo - Ủy viên
- ThS. Bùi Lê Vũ, Phó Chánh Văn phòng ĐHQGHN - Ủy viên

### Cơ quan điều hành Quỹ

- Giám đốc điều hành Quỹ: PGS.TS. Phạm Bảo Sơn
- Phó Giám đốc điều hành Quỹ: PGS.TS. Vũ Văn Tích



Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030:

## Đưa nền KH&CN Việt Nam phát triển lên một tầm vóc mới

Ngày 13/10/2021, Bộ KH&CN và ĐHQGHN tổ chức Hội nghị góp ý dự thảo Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) giai đoạn 2021-2030. Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tuyến.

**T**ham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ KH&CN Bùi Thế Duy, Phó Giám đốc ĐHQGHN Phạm Bảo Sơn; nguyên Thứ trưởng Bộ KH&CN: Lê Đình Tiến, Trần Việt Thanh cùng đại diện các vụ, cục, viện của Bộ KH&CN; các ban chức năng, trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc và hơn 200 nhà khoa học của ĐHQGHN.

### **Trường đại học và viện nghiên cứu là các chủ thể nghiên cứu mạnh**

Qua gần 10 năm thực hiện, Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 đã đạt những thành tựu quan trọng trong đóng góp cho tăng trưởng và sức cạnh tranh của

nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; tiềm lực KH&CN quốc gia được tăng cường. Đặc biệt, qua thực tế đã khẳng định một số định hướng chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với Việt Nam như: KH&CN phải đóng vai trò chủ đạo, là lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế; phát triển mạnh mẽ KH&CN để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; gắn kết chặt chẽ khoa học xã hội và nhân văn với khoa học

tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý và cơ chế hoạt động KH&CN.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Thế Duy cho biết, ĐHQGHN là một trong những đầu tàu về KH, CN & ĐMST của đất nước. Bởi vậy, việc phối hợp tổ chức Hội nghị nhằm lắng nghe các ý kiến đóng góp đầy tâm huyết từ đội ngũ nhà khoa học đông đảo, trong đó có nhiều nhà khoa học đầu ngành, đầu đàn của ĐHQGHN.

Thứ trưởng Bùi Thế Duy nhấn mạnh, Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021-2030 kế thừa có chọn lọc quan điểm, mục tiêu, định hướng nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 và bổ sung những nội dung mới cho phù hợp với tình hình hiện nay cũng như yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới, nhằm đưa nền KH&CN Việt Nam phát triển lên một tầm vóc mới, là đột phá chiến lược để phát triển đất nước.

Một trong những quan điểm của Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021-2030 đó là phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học nông nghiệp, khoa học y dược, khoa học kỹ thuật và công nghệ; hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, vùng, địa phương trong đó doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là các chủ thể nghiên cứu mạnh, Nhà nước thực hiện vai trò định hướng, điều phối, kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi cho hoạt động hiệu quả của toàn hệ thống.



Thứ trưởng Bùi Thế Duy cho biết, có 3 xu thế tác động mạnh đến KH&CN, giáo dục đào tạo của Việt Nam đó là: toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và chuyển đổi số; các vấn đề về an ninh phi truyền thống.

“Các xu thế đó tạo nhiều cơ hội nhưng cũng mang đến nhiều thách thức cho sự phát triển KH&CN, ĐMST của Việt Nam. Bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đại dịch COVID-19 đang làm thay đổi lớn đến thế giới, trong đó có vai trò của KH, CN & ĐMST. Giai đoạn 10 năm tới sẽ định hình thêm những cơ chế, luật lệ quốc tế, đặc biệt là liên quan đến KH, CN & ĐMST, kinh tế số để phù hợp với bối cảnh mới”, Thứ trưởng Bùi Thế Duy nhấn mạnh.

Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021-2030 nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KH, CN & ĐMST. Chiến lược giai đoạn mới nhằm

tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức trong bối cảnh mới. Theo đó, trong giai đoạn 10 năm tới, trên thế giới xuất hiện các xu thế mới như: nhiều công nghệ mới được phát triển mạnh mẽ và ứng dụng rộng rãi; tăng cường gắn kết KH, CN & ĐMST với phát triển kinh tế - xã hội và môi trường; đổi mới quản lý KH, CN & ĐMST sẽ được tiếp tục đẩy mạnh; phân hóa mạnh mẽ trong phát triển KH, CN & ĐMST giữa các nước trên thế giới; sự dịch chuyển của chuỗi sản xuất cung ứng trên thế giới; cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước sẽ ngày càng quyết liệt;...

Có thể thấy, các xu thế KH, CN & ĐMST trên thế giới đang tác động sâu sắc, toàn diện đến quá trình phục hồi, phát triển bền vững, là nhân tố quyết định đến vai trò, vị thế của các quốc gia trong cục diện quốc tế đang định hình. Ở trong nước, Đảng và Nhà nước

## HỘI NGHỊ GÓP Ý DỰ THẢO

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2021



chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên KH,CN&ĐMST, tích cực tiếp cận Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, kinh tế tri thức và kinh tế số, nhấn mạnh vai trò đột phá chiến lược của KH,CN&ĐMST,... Đây là những xu hướng mở ra thời cơ cho KH,CN&ĐMST Việt Nam phát triển vượt bậc, rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với thế giới và khu vực. Đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn đòi hỏi phải tập trung giải quyết ở tầm chiến lược.

Xây dựng và thực thi Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021- 2030 cho phép chủ động tận dụng những thời cơ và ứng phó có hiệu quả với các thách thức sẽ phải đối mặt, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu đến 2030 Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

### “Cộng hưởng” với chiến lược phát triển KH,CN & ĐMST quốc gia

Chiến lược phát triển

KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030 là cơ sở để xây dựng các chính sách cụ thể về KH,CN&ĐMST, đồng thời là căn cứ để xác định định hướng phát triển KH,CN&ĐMST của các ngành, lĩnh vực, địa phương. Quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp của Chiến lược là những căn cứ quan trọng đảm bảo cho các nội dung trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình hành động,... vừa mang tính cụ thể, hành động, vừa mang tính tổng thể, dài hạn và đảm bảo sự phối hợp hài hoà giữa các cơ chế, chính sách với nhau. Chiến lược có ý nghĩa tạo sự thống nhất chung giữa các cơ chế, chính sách KH,CN&ĐMST cụ thể; tăng cường phối hợp về định hướng phát triển KH,CN&ĐMST giữa các bộ, ngành, địa phương.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Giám đốc ĐHQGHN Phạm Bảo Sơn cho rằng, Hội nghị là dịp để các nhà khoa học của ĐHQGHN tham gia đóng góp trí tuệ xây dựng Chiến lược, đồng thời nắm

rõ các chủ trương, chiến lược phát triển KH&CN của đất nước, từ đó “định vị” và phát triển lĩnh vực nghiên cứu của mình trong dòng chảy KH&CN chung của cả nước.

Phó Giám đốc ĐHQGHN Phạm Bảo Sơn cho biết, chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST của ĐHQGHN gắn chặt và “cộng hưởng” với chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST quốc gia. Trong thời gian qua, ĐHQGHN kiến tạo và triển khai thí điểm các cơ chế, chính sách để thúc đẩy nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng cũng như tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong hoạt động ĐMST, chuyển giao tri thức. Đặc biệt, các hoạt động đào tạo ở ĐHQGHN gắn kết chặt với nghiên cứu khoa học; tạo cơ thể khuyến khích và thúc đẩy nghiên cứu khoa học và ĐMST trong đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Tại Hội nghị, các nhà khoa học của ĐHQGHN đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Chiến

lược. Các nhà khoa học bày tỏ sự đồng tình và đánh giá cao Dự thảo, từ phương pháp xây dựng chiến lược hiện đại đến cách thức tiếp cận cập nhật.

Đặc biệt, các nhà khoa học cho rằng, Dự thảo Chiến lược coi doanh nghiệp là trung tâm hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia đã thể hiện sự dịch chuyển triết lý trong quản lý KH&CN từ khoa học “đẩy”, công nghệ “kéo” đến thị trường “kéo” và nhu cầu “kéo”. Đây không chỉ là sự thay đổi thuần túy về mặt kỹ thuật.

Theo các nhà khoa học, một trong những kết quả nổi bật của giai đoạn 2011-2020 đó là sự dịch chuyển nhận thức của toàn xã hội về vai trò của KH, CN & ĐMST. Bên cạnh đó, Dự thảo cần nhấn mạnh vào việc phát triển và thu hút các nguồn lực KH, CN & ĐMST, đặc biệt là nguồn nhân lực khoa học trình độ cao. Hơn nữa, trong hệ thống KH, CN & ĐMST của Việt Nam cần đặc biệt chú trọng phát triển và tăng tính gắn kết trong nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành, liên lĩnh vực và tăng cường hợp tác nghiên cứu để giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội lớn của thời đại. Cùng với đó, cần chọn những lĩnh vực đầu tư trọng điểm là lợi thế của Việt Nam và mang lại giá trị cao cho xã hội như: giao thông vận tải, nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu,... Kiến tạo văn hoá khoa học trong cộng đồng, cũng như đẩy mạnh truyền thông KH&CN một cách toàn diện và hiệu quả cũng là những vấn đề được các nhà khoa học cho rằng cần được quan tâm trong Chiến lược giai đoạn tới.

Thay mặt ban soạn thảo, Thứ trưởng Bùi Thế Duy gửi lời cảm ơn các nhà khoa học của ĐHQGHN đã tích cực đóng góp ý kiến hoàn thiện Chiến lược. Ban soạn thảo sẽ tiếp thu và chất lọc các ý kiến hoàn thiện Dự thảo, để Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021- 2030 thể hiện được ý chí, nguyện vọng và khát vọng của các nhà khoa học trong việc đưa KH&CN Việt Nam trở thành động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội.



## THE World University Rankings by Subject 2022:

# Lĩnh vực Khoa học Xã hội của ĐHQGHN lần đầu được xếp hạng thế giới

| Rank    | Name<br>Country/Region                        | Overall   | Citations | Industry Income | International Outlook | Research | Teaching |
|---------|---|-----------|-----------|-----------------|-----------------------|----------|----------|
| 501-600 | Vietnam National University, Hanoi<br>Vietnam | 24.4-28.1 | 56.8      | 37.7            | 46.1                  | 6.0      | 16.9     |

Sáng ngày 14/10/2021, THE công bố thêm 4 lĩnh vực trong kết quả xếp hạng theo lĩnh vực - World University Rankings by Subject năm 2022: Business & Economics (Kinh doanh & kinh tế), Education (Giáo dục), Law (Luật), Social Sciences (Khoa học Xã hội). Theo đó, lĩnh vực Social Sciences (Khoa học Xã hội) của ĐHQGHN lần đầu được xếp hạng 501 – 600 thế giới.

THE World University Rankings by Subject là bảng xếp hạng các trường đại học theo ngành, nhóm ngành đào tạo thuộc 11 lĩnh vực. Kết quả của bảng xếp hạng này được đánh giá dựa 5 nhóm tiêu chí gồm các chỉ số: Trích dẫn (Citation), Thu nhập từ chuyển giao công nghệ (Industry Income), Triển vọng quốc tế (International Outlook), Nghiên cứu (Research) và Giảng dạy (Teaching). THE đã sử dụng các nguồn dữ liệu từ khảo sát (do THE thực hiện), cơ sở dữ liệu Scopus (thuộc NXB Elsevier) và dữ liệu do cơ sở giáo dục đại học cung cấp để thực hiện xếp hạng, nhưng trọng số được điều chỉnh lại để phù hợp với từng lĩnh vực.

Bảng xếp hạng lĩnh vực Khoa học Xã hội được tổng hợp từ nhiều chuyên ngành nhỏ như: truyền thông và nghiên cứu truyền thông, nghiên cứu chính trị và nghiên cứu quốc tế (bao gồm cả nghiên cứu phát triển), xã hội học và địa lý. So với kỳ xếp hạng THE World University

Rankings by Subject 2021, Bảng xếp hạng lĩnh vực Khoa học Xã hội có 870 (tăng 79 so với kỳ xếp hạng năm 2020) cơ sở giáo dục được xếp hạng. Trong đó, Việt Nam có 3 cơ sở giáo dục lần đầu được xếp hạng trong lĩnh vực này: Trường ĐH Tôn Đức Thắng, ĐHQGHN và ĐHQG Tp. HCM.

Như vậy, Times Higher Education công bố kết quả xếp hạng của 10/11 lĩnh vực, trong đó ĐHQGHN có 4 lĩnh vực được xếp hạng:

- Khoa học tự nhiên (Physical Sciences) thứ hạng 601 – 800 thế giới;
- Kỹ thuật (Engineering) thứ hạng 601 – 800 thế giới;
- Khoa học máy tính (Computer Sciences) thứ hạng 601 – 800 thế giới.

The screenshot shows the website interface for 'World University Rankings by subject'. It features a navigation menu with categories like Business & Economics, Education, Law, Social sciences, Computer science, Engineering, Clinical & health, Life sciences, Physical sciences, Psychology, and Arts & humanities. Below the menu, there are several featured articles with images and titles, such as 'Best universities for social science degrees', 'Best universities for law degrees', 'Best universities for education degrees', and 'What can you do with a business and management degree?'. The website also includes a search bar and social media icons.

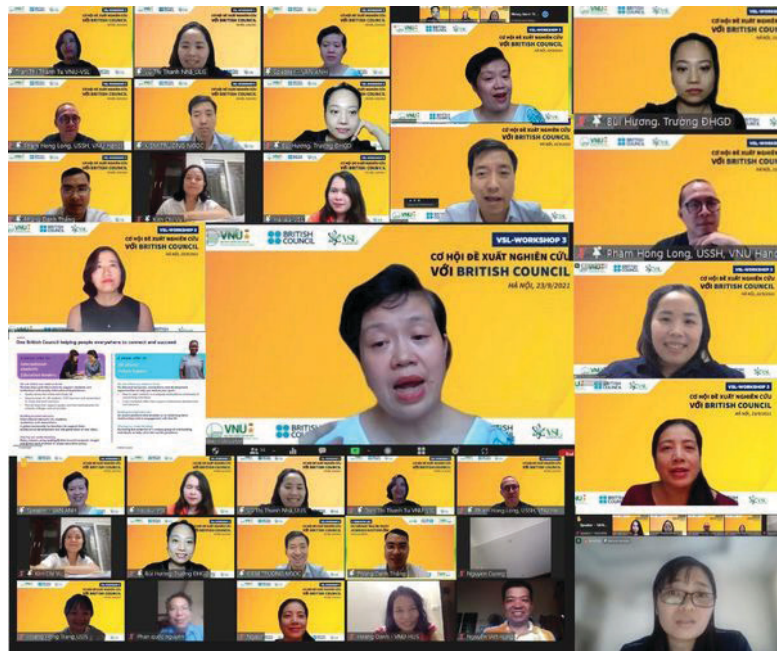


## VSL Điểm tin hoạt động VSL

Trước bối cảnh giãn cách xã hội do diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh COVID-19, tháng 9/2021, CLB Nhà Khoa học ĐHQGHN (VSL) tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động, sự kiện theo hình thức trực tuyến.

Ngày 23/9/2021, VSL đã phối hợp với Hội đồng Anh Việt Nam tổ chức VSL-Workshop No.3 với chủ đề "Cơ hội đề xuất nghiên cứu với Hội đồng Anh" với sự tham gia chia sẻ của bà Hoàng Vân Anh - Giám đốc Chương trình Giáo dục và Xã hội - Hội đồng Anh Việt Nam, diễn giả chính và TS. Vũ Thị Thanh Nhã - Trường Khoa Tiếng Anh, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN, điều phối phần thảo luận. Sau workshop, PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú - Trưởng ban Điều hành VSL cho biết: VSL luôn sẵn sàng hỗ trợ các nhà khoa học kết nối, tạo dựng các nhóm nghiên cứu liên ngành, chia sẻ kinh nghiệm về viết Đề xuất nghiên cứu theo các chương trình của Hội đồng Anh như: Vai trò nữ lãnh đạo trong giáo dục Đại học, Phát triển các mạng lưới nghiên cứu giữa nhà khoa học Anh và Việt Nam, Phát triển các bộ công cụ đo lường sáng tạo và số hóa trong các cơ sở giáo dục đại học theo tiêu chuẩn Anh,...

Trong thời gian tới, bên cạnh việc tổ chức các buổi Talk/Workshop hàng tháng, VSL sẽ triển khai thêm chương trình Trại sáng tác - VSL Writing Camp nhằm tạo ra một không gian sáng tác khoa học chuyên nghiệp, chuyên tâm cho các nhà khoa học của ĐHQGHN. Các chủ đề của VSL Writing Camp gắn với các sản phẩm đầu ra nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế của các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà khoa học trẻ. VSL Writing Camp số 1 dự kiến sẽ tổ chức vào trung tuần tháng 10, tại Hòa Lạc, với chủ đề



“Nâng cao kỹ năng viết đề xuất dự án nghiên cứu quốc tế”. Các NKH tham gia VSL Writing Camp sẽ có cơ hội học hỏi, chia sẻ và thực hành tham gia viết đề xuất cho các nghiên cứu của Hội đồng Anh.

Trước đó, VSL đã tích cực phối hợp với các đơn vị để tổ chức các Hội thảo và Tọa đàm khoa học như: Hội thảo “Chuyển đổi số và giáo dục đại học: Khi thách thức là cơ hội” tổ chức ngày 10/9/2021 do Viện Quốc tế Pháp ngữ (VNU-IFI) chủ trì; phối hợp với Câu lạc bộ Nhà khoa học trẻ Khoa Quốc tế tổ chức tọa đàm VISL - TALK No.2 với chủ đề “Phân tích bất bình đẳng theo nguồn thu nhập” và VISL - TALK No.3 với chủ đề “So sánh điểm số của học sinh Việt Nam trong kỳ thi PISA so với các nước trên thế giới”.

Bên cạnh đó, VSL chú trọng truyền thông, chia sẻ thông tin khoa học trên các kênh truyền thông của VSL quản lý, kết nối các nhà khoa học tham dự các sự kiện trong và ngoài ĐHQGHN tổ chức như: Hội thảo: “Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo” của Khoa Quốc tế, Seminar “Sản xuất theo phong cách Monozukuri - Nhật Bản trong thế kỷ 21” của Trường ĐH Việt Nhật,...

# TIẾP CẬN XU HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA THẾ GIỚI

TRONG THỜI GIAN VỪA QUA, KHOA QUỐC TẾ ĐÃ GIỮ VỮNG VỊ TRÍ THỨ 3 TRONG ĐHQGHN VỀ SỐ BÀI BÁO CÔNG BỐ QUỐC TẾ. ĐÂY LÀ KẾT QUẢ CỦA SỰ THAY ĐỔI VỀ ĐỊNH HƯỚNG, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, CỦA KHOA TRONG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU VÀ THU HÚT NHỮNG NHÀ KHOA HỌC TÀI NĂNG TRONG NƯỚC VÀ THẾ GIỚI. ĐỂ CHIA SẺ NHỮNG KINH NGHIỆM CŨNG NHƯ NHỮNG KẾ HOẠCH VƯƠN TẦM QUỐC TẾ CỦA KHOA TRONG GIAI ĐOẠN TỚI, BẢN TIN KH&CN ĐÃ CÓ DỊP PHỎNG VẤN ÔNG NGUYỄN VĂN ĐỊNH - PHÓ CHỦ NHIỆM KHOA QUỐC TẾ.

## » THÙY DIỄM



**Xin ông có thể cho biết Khoa đã có định hướng như thế nào để thúc đẩy gia tăng các công bố quốc tế?**

Trước hết, thay mặt cho các cán bộ, giảng viên Khoa Quốc tế, xin được cảm ơn Bản tin Khoa học công nghệ ĐHQGHN đã cho chúng tôi cơ hội chia sẻ về hoạt động khoa học công nghệ của Khoa trong năm học 2020-2021. Theo thống kê của Trung tâm Thông tin Thư viện ĐHQGHN, đến ngày 20/9/2021, Khoa Quốc tế giữ vững vị trí thứ 3 của Bảng tổng hợp số lượng bài báo ISI/Scopus của ĐHQGHN trong 3 tháng 6, 7, 8. Có được kết quả này là do Khoa đặc biệt chú trọng đầu tư vào

hoạt động khoa học công nghệ với nhiều chính sách, cơ chế hoạt động sáng tạo, linh hoạt. Đặc biệt, một điều rất đáng mừng nữa là giảng viên, học viên và sinh viên Khoa Quốc tế ngày càng quan tâm nhiều hơn đến hoạt động nghiên cứu và công bố quốc tế.

Hàng năm, Khoa Quốc tế đều ban hành khung chỉ tiêu hoạt động khoa học công nghệ và khung này được xây dựng dựa trên nguồn lực sẵn có, như các đề tài, dự án các cấp đang thực hiện, các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu (tập trung chính vào các đối tượng học giả đang công tác với Khoa). Từ đó, Khoa tiến hành đăng ký nhiệm vụ khoa học công nghệ cho các Bộ môn, đơn vị tương đương, nhóm nghiên cứu. Bên cạnh đó Khoa cũng triển khai nhiều chính sách thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ như: chủ trì/đồng tham gia các hội thảo khoa học quốc tế được chỉ mục trong Scopus để tạo ra cộng đồng nghiên cứu và công bố; hỗ trợ cán bộ, giảng viên tham gia viết bài, trình bày báo cáo tại các hội nghị khoa học quốc tế uy tín; hỗ trợ chi trả lương P4 cho các nhà khoa học có năng lực công bố quốc tế tốt và hỗ trợ



công bố quốc tế cho các nhà khoa học (từ 10 triệu đồng đến 60 triệu đồng/01 công bố).

Ngoài ra, Khoa cũng đặc biệt chú trọng đầu tư xây dựng các nhóm nghiên cứu để phát triển các hướng nghiên cứu mới, các chương trình đào tạo mới có tính ứng dụng, thực tiễn cao, hoặc có triển vọng tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ nằm trong chiến lược phát triển của Khoa. Và để khởi động, các nhóm nghiên cứu được giao các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở để thực hiện các nghiên cứu ban đầu, cũng như tăng cường khả năng hợp tác nghiên cứu của nhóm trong và ngoài nước hoặc mời các chuyên gia, học giả cùng tham gia vào nhóm. Người dẫn dắt các nhóm nghiên cứu là các nhà khoa học cơ hữu của Khoa, có năng lực chuyên môn tốt. Bên cạnh đó, Khoa cũng tạo cơ chế, chính sách thu hút các chuyên gia, nhà khoa học bên ngoài tham gia với tư cách đồng trưởng nhóm. Và trên cơ sở hoạt động của các nhóm nghiên cứu này, Khoa có thể chủ động tham gia sâu vào các chương trình, dự án trọng điểm về khoa học công nghệ của ĐHQGHN, bao gồm Dự án phát triển khu nghiên cứu liên ngành của ĐHQGHN tại Hòa Lạc hay Chương trình nghiên

cứu trọng điểm về kinh tế số; AI,...

Bên cạnh việc hỗ trợ cho các nhóm nghiên cứu, Khoa Quốc tế còn có chính sách hỗ trợ các cán bộ, giảng viên trong hoạt động thực hiện các đề tài nghiên cứu như mua quyền truy cập các cơ sở dữ liệu khoa học quốc tế, phần mềm, e-book, e-journal và đầu tư các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu.

**Được biết Khoa Quốc tế đang triển khai Chương trình Thu hút học giả quốc tế và đã thu hút được đông đảo đội ngũ học giả trong và ngoài nước. Xin ông có thể chia sẻ đội ngũ học giả của Khoa cũng như những đóng góp của họ cho Khoa và ĐHQGHN?**

Chương trình Thu hút học giả quốc tế được triển khai tại Khoa Quốc tế từ năm 2016. Từ năm 2016 đến năm 2019, chúng tôi được chào đón số lượng học giả đông đảo tại các trường đại học uy tín của Nhật Bản, Australia, CH Pháp, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ,... đến nghiên cứu và giảng dạy tại Khoa. Các học giả, ngoài việc giảng dạy cho sinh viên, học viên trong các chương trình đào tạo, còn tích cực tham gia vào các hoạt động chuyên môn. Học giả kết hợp cùng giảng viên Khoa Quốc tế nghiên



cứu và viết bài công bố trên các tạp chí hàng đầu. Các giáo sư cũng là diễn giả của các buổi hội thảo, tọa đàm chia sẻ những nghiên cứu, công bố mới của mình hay trình bày về những chủ đề có tính thời sự, đang được giới chuyên môn quan tâm.

Năm 2020 đến nay, do tình hình Dịch bệnh diễn biến phức tạp, các chuyên gia, học giả không thể đến làm việc trực tiếp tại Khoa, vì vậy chương trình cũng phải chuyển sang hình thức hoạt động mới. Khoa Quốc tế đã ban hành chính sách học giả mới nhằm tăng cường sự gắn kết của học giả với Khoa trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khoa ưu tiên tìm kiếm các nhà khoa học, học giả là người Việt Nam đang công tác tại nước ngoài để kết nối và đẩy mạnh hơn các hoạt động hợp tác nghiên cứu, chuyển giao từ nước ngoài về Việt Nam. Các học giả Việt kiều có lợi thế am hiểu về văn hóa nước bản địa cũng như các vấn đề, thách thức đang đặt ra với sự phát triển của Việt Nam. Từ đó, các hoạt động của Chương trình Thu hút học giả cũng đa dạng hơn. Ví dụ như trong hoạt động đào tạo, các học giả giúp giới thiệu các đối tác uy tín để triển khai hợp tác đào tạo hay giới thiệu các nhà khoa học, giảng viên của Khoa tham gia thực hiện các dự án quốc tế cùng học giả, xuất bản sách chuyên ngành và tham gia ban biên tập của các tạp chí khoa học, các diễn đàn hội nghị khoa học quốc tế. Bên cạnh đó, các học giả cũng là đội ngũ cố vấn, tư vấn chiến lược cho Ban Chủ nhiệm Khoa trong việc xây dựng chiến lược phát triển đào tạo, khoa học công nghệ và quản trị đại học.

Thông qua chương trình này, Khoa Quốc tế nhận thấy nhu cầu, nguyện vọng được đóng góp cho đất

nước của các học giả người Việt ở nước ngoài là rất lớn. Tuy nhiên, vì một số nguyên nhân hạn chế về các ngành đào tạo cũng như nguồn lực tài chính, nên Khoa không thể khai thác hết được nguồn tài nguyên giàu có này. Nếu Chương trình Thu hút học giả quốc tế có thể nhận được nhiều nguồn lực hơn ở tầm cỡ của ĐHQGHN là đa ngành, đa lĩnh vực, thì chắc chắn chúng ta sẽ thu hút được nhiều học giả ở các lĩnh vực khác nhau về làm việc và cộng tác với ĐHQGHN. Khoa Quốc tế rất mong ĐHQGHN sớm ban hành chính sách, xây dựng được một công thông tin để thu hút nguồn nhân lực tài năng này.

**Xin ông có thể cho biết, trong thời gian tới, Khoa Quốc tế có cơ chế, chính sách như thế nào để có thể gia tăng số lượng học giả đến làm việc và nghiên cứu tại Khoa?**

Khoa Quốc tế xác định đội ngũ học giả trong Chương trình Thu hút học giả quốc tế bao gồm 3 nhóm chính. Nhóm thứ nhất là những chuyên gia học giả có kinh nghiệm quản lý, có trình độ chuyên môn cao đang làm việc tại các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Các chuyên gia, học giả này sẽ giải quyết giúp Khoa bài toán gắn kết các hoạt động đào tạo, nghiên cứu với nhu cầu của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực khởi nghiệp và tư duy đổi mới sáng tạo cho người học của Khoa. Khoa Quốc tế tổ chức mời các chuyên gia doanh nghiệp về giảng dạy các học phần liên quan đến thực tiễn hoạt động doanh nghiệp. Hoạt động giảng dạy này gắn liền với tính thực tiễn của chương trình đào tạo, môn học, với cơ hội việc làm của học viên, sinh viên. Để thu hút được đội ngũ này, Khoa Quốc tế giao nhiệm vụ cho các giảng viên phụ trách chương trình kết nối các tập đoàn, doanh nghiệp, chuyên gia và mời họ đến để tham gia vào các hoạt động của Khoa.

Nhóm thứ 2 là các chuyên gia giỏi đang làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước, được mời về Khoa để đặt nền móng, xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo. Đây là những nhà khoa học có uy tín cao ở các lĩnh vực khoa học công nghệ mới mà Khoa đã xác định sẽ phát triển ngành đào tạo trong thời gian tới. Các chuyên gia sẽ được hỗ trợ các điều kiện tối đa để triển khai nhiệm vụ và đánh giá kết quả thực hiện theo các hợp đồng chuyên gia. Để có thu hút và giữ chân được những

chuyên gia giỏi, Khoa Quốc tế tạo lập một cơ chế làm việc, môi trường tự do trong nghiên cứu hợp tác nghiên cứu, nâng cao trách nhiệm khoa học của các cá nhân.

Nhóm thứ 3 là các nhà khoa học người Việt được các trường đại học quốc tế uy tín bổ nhiệm các chức danh giáo sư, phó giáo sư, về chủ trì hoặc đồng chủ trì các trung tâm nghiên cứu của Khoa. Từ đó, Khoa thúc đẩy và phát triển các mô hình nghiên cứu quốc tế song song theo hình thức của phòng thí nghiệm vệ tinh. Ví dụ, hiện tại Khoa Quốc tế đang có Phòng nghiên cứu Data science and Optimization of complex systems (DataOpt) Laboratory do GS. Lê Thị Hoài An, Trường Đại học Lorraine, làm Giám đốc. Phòng thí nghiệm này cùng phòng thí nghiệm của GS. Hoài An ở bên Pháp (Computer Science and Applications Department (IA)) đã chủ trì nhiều hội thảo quốc tế uy tín như Hội thảo Khoa học máy tính và Toán ứng dụng (ICCSAMA) năm 2018, sắp tới là Hội thảo về “Mô hình hóa và tối ưu hóa tính toán trong khoa học quản lý và hệ thống thông tin” MCO năm 2021. Như vậy, ở đây Khoa đang phát triển theo mô hình nhóm nghiên cứu - phòng thí nghiệm cơ sở - phòng thí nghiệm vệ tinh (liên kết quốc tế).

Đặc biệt, khi Chương trình Thu hút học giả quốc tế được triển khai, Khoa đã vinh dự mời được GS. Nguyễn Đức Khương - thành viên Tổ tư vấn kinh tế, tư vấn cho Thủ tướng về các vấn đề phát triển kinh tế - về làm Phó trưởng ban chỉ đạo chương trình. Thông qua cộng đồng của GS. Nguyễn Đức Khương trong Hội Khoa học và Chuyên gia Việt Nam Toàn cầu (AVSE Global), Khoa đã có cơ hội được hợp tác, làm việc với nhiều chuyên gia, học giả uy tín.

Ngoài ra, Khoa Quốc tế tự hào có một đội ngũ giảng viên nhiều năm tu nghiệp ở nước ngoài. Khoa đã ban hành chính sách hỗ trợ kết nối các giáo sư hướng dẫn ở nước ngoài của các giảng viên về tham gia vào hoạt động nghiên cứu thông qua mô hình nhóm nghiên cứu. Việc tham gia của đội ngũ này giúp các hướng nghiên cứu của Khoa tiếp cận với xu hướng nghiên cứu của thế giới, góp phần phát triển năng lực nghiên cứu cho giảng viên và nâng cao chất lượng công bố quốc tế của Khoa, dẫn dắt giảng viên tham gia vào các diễn đàn, hội nghị khoa học quốc tế uy tín. Năm 2020-2021, tỷ lệ công bố được xếp hạng Q1, Q2 trên 60%.



# Nữ giảng viên trẻ với tình yêu

## DÀNH CHO TIẾNG NGA VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



**VỚI 2290 ĐIỂM, TS. KHUÔNG THỊ THU TRANG LÀ MỘT TRONG 3 GIẢNG VIÊN TRẺ ĐẠT THÀNH TÍCH CAO NHẤT TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG NĂM HỌC 2020-2021 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (ULIS).**

» LỆ THỦY

**CƠ DUYÊN VỚI TIẾNG NGA**

Đến từ Thái Nguyên, cô Khuông Thị Thu Trang gắn bó với tiếng Nga vì hai chữ “cơ duyên”. Thiếu 0.25 điểm để được vào ngành học mình ưa thích (chuyên Văn), cô quyết định đăng ký vào học lớp chuyên Nga ở trường cấp 3.

“Học tiếng Nga ban đầu khá khó, nhưng mình rất thích, vì thường hay được nghe thầy kể về đất nước Nga tươi đẹp. Vào Đại học, mình lựa chọn tiếng Nga và mơ ước được sang Nga du học để được tận mắt chiêm ngưỡng đất nước tươi đẹp ấy”, cô cho biết.

Sau khi thi đỗ và học 1 năm ở Khoa NN&VH Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, cô Khuông Thị Thu Trang đã dự thi Olympic tiếng Nga dành cho sinh viên toàn quốc và xuất sắc giành học bổng du học tại Liên bang Nga.

Chia sẻ về thời gian du học ở Nga, nữ giảng viên 8x cho biết: “11 năm du học Nga là quãng thời gian mình không thể quên được. Nước Nga là thanh xuân, và tiếng Nga là cuộc sống của mình!”

Trở thành giảng viên tiếng Nga tại ULIS cùng hành trang kiến thức và kỹ năng có được từ xứ sở bạch dương, cô Khuông Thị Thu Trang mong có thể truyền lửa tình yêu

tiếng Nga cho các em sinh viên.

**GIẢNG VIÊN TRẺ VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Trong năm học 2020-2021, cô Khuông Thị Thu Trang đã tham gia nhiều hoạt động trải nghiệm dành cho cán bộ giáo viên Nhà trường như: Nhà giáo dục đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp, Nhà giáo dục truyền cảm hứng, Hội thảo khoa học UNC,...

Với 2 bài báo đăng tạp chí quốc tế, 2 báo cáo đăng toàn văn kỷ yếu hội thảo quốc tế, 1 báo cáo đăng toàn văn hội thảo quốc gia cùng với việc tích cực tham gia nhiều hoạt động khác, cô đã trở thành 1 trong 3 giảng viên trẻ có thành tích nghiên cứu khoa học cao nhất năm học vừa qua. Điều này khiến cô hết sức bất ngờ và tự hào.

Theo cô Trang, giảng viên trẻ nghiên cứu khoa học có nhiều thuận lợi: “Các giảng viên trẻ hiện nay rất năng động, nhạy bén, thích tìm tòi và ham học hỏi. Thường thì các bạn được làm quen, trang bị các kiến thức về nghiên cứu khoa học từ ngày còn học đại học. Nhiều bạn thậm chí đã thực hiện nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học khi còn là sinh viên. Vì vậy các bạn cũng đã có những kiến thức cơ bản và phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học. Thứ hai là thời đại 4.0 với

sự phát triển của công nghệ thông tin cũng giúp các bạn có nguồn tài liệu nghiên cứu phong phú. Sự quan tâm, động viên, khuyến khích từ phía Nhà trường cũng là một trong số những thuận lợi.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất mà giảng viên trẻ gặp phải có lẽ là kinh nghiệm khi tự thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học mà không có sự hướng dẫn của các thầy cô (như thời còn sinh viên). Giảng viên trẻ không có nhiều thời gian dành cho việc nghiên cứu khoa học. Vì ngoài việc soạn bài, giảng dạy, chấm bài, coi thi, chấm thi, giảng viên cũng cần phải tham gia rất nhiều những công việc chung khác của khoa, của trường. Vì vậy thời gian dành cho nghiên cứu thường rất ít.

Là một trường đại học định hướng nghiên cứu, để giúp đỡ cán bộ trong hoạt động này, ở ULIS có nhiều hoạt động nhằm đẩy mạnh và khuyến khích giảng viên nghiên cứu. Năm học 2020-2021, cô Khuông Thị Thu Trang ấn tượng nhất là khoá học “Nhà giáo dục truyền cảm hứng”. Khóa học mang lại nhiều điều thú vị, giúp cô bước đầu thoát khỏi “vùng an toàn” của bản thân và giúp ích rất nhiều trong hoạt động giảng dạy của mình. Bên cạnh đó, tham gia UNC2021 cũng là một trải nghiệm mới đầy thú vị. Qua hội thảo, cô cảm thấy còn phải học hỏi rất nhiều trong công việc nghiên cứu khoa học.

### **KINH NGHIỆM VỚI CÔNG BỐ QUỐC TẾ**

Ở Nga, nghiên cứu khoa học về các ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật vẫn được ưa chuộng hơn. Tạp chí chuyên ngành xã hội nhân văn nằm trong Top uy tín của thế giới khá ít.

Để có nhiều sản phẩm quốc tế, cô Khuông Thị Thu Trang cho biết bản thân rất may mắn vì có một giáo

viên hướng dẫn luận văn (từ hồi còn học Đại học ở Nga) tuyệt vời.

“Ngay từ khi mình còn là sinh viên năm thứ 2 đại học, cô đã luôn động viên mình tham gia các hội thảo khoa học, hướng dẫn viết báo cáo, bài báo để đăng trên các tạp chí của trường, các tạp chí chuyên đề tại Nga. Qua đó mình cũng đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm của cô.

Năm học vừa rồi mình cũng tham gia một nhóm nghiên cứu cùng các cô giáo và các bạn ở Nga, nên mới có thể hoàn thành được nhiều sản phẩm như vậy đó”, cô chia sẻ.

Cô Khuông Thị Thu Trang quyết tâm sẽ tiếp tục tham gia vào nhiều hoạt động khác để đóng góp cho việc đào tạo và nghiên cứu tiếng Nga.



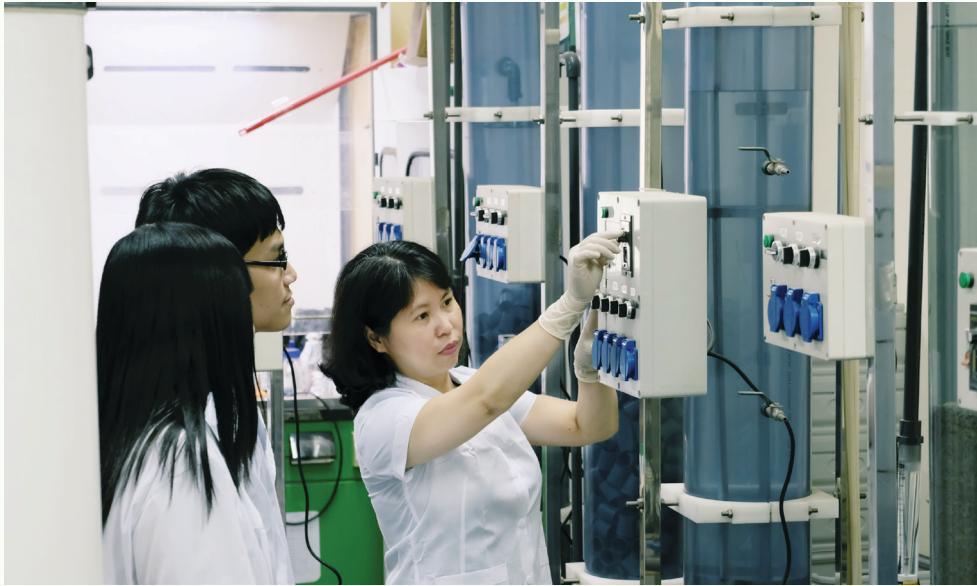


# NGƯỜI TRUYỀN LỬA ĐAM MÊ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**KHÔNG CHỈ LÀ GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NHẬT, ĐHQGHN, TS. NGUYỄN THỊ AN HÀNG CÒN ĐƯỢC BIẾT ĐẾN NHƯ MỘT NHÀ KHOA HỌC NHIỆT HUYẾT, NĂNG NỔ, VỚI NHIỀU THÀNH TÍCH ẤN TƯỢNG VỀ CÔNG BỐ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO.**

» VSL





## 25 NĂM - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

Trưởng thành từ cái nôi đào tạo và nghiên cứu khoa học của cả nước là Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN), ĐHQGHN, ít ai biết rằng TS. Hằng từng là thủ khoa đầu ra lớp Sinh K37. Tốt nghiệp cử nhân Sinh học loại Xuất sắc vào năm 1996, TS. Hằng được chuyển tiếp học Thạc sỹ Khoa học đất và Môi trường và tốt nghiệp loại Xuất sắc vào năm 1998. Ra trường, cô về công tác tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng, Bộ KH-CN&MT (tiền thân của Viện Nghiên cứu Phát triển Vùng, Bộ KH-CN ngày nay) và có hơn 10 năm gắn bó ở các vị trí khác nhau như nghiên cứu viên, Phó Trưởng ban, Trưởng Ban Nghiên cứu và Phát triển. Vào năm 2011, TS. Hằng vinh dự được nhận học bổng toàn phần của Chính phủ Úc để làm Nghiên cứu sinh Tiến sĩ về Kỹ thuật môi trường tại Đại học Công nghệ Sydney (Úc). Hoàn thành xuất sắc luận án Tiến sĩ năm 2015, TS. Hằng về nước công tác tại Trường Đại học Việt Nhật với vị trí là chuyên viên đào tạo. Năm 2017,

TS. Hằng dự tuyển thành công và trở thành Giảng viên toàn thời gian kiêm Điều phối viên của Chương trình Thạc sỹ Kỹ thuật môi trường. Từ 8/2020 đến nay, TS. Hằng được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc Chương trình Thạc sỹ Kỹ thuật môi trường. Được đào tạo bài bản ở trong nước (Việt Nam) và quốc tế (Úc), với 25 năm công tác trong nhiều môi trường làm việc khác nhau (cơ quan nhà nước, NGO, trường đại học quốc tế) đã giúp TS. Hằng tích lũy những kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quản lý vững vàng, phương pháp tư duy khoa học, và cách làm việc năng động, sáng tạo.

Với TS. Hằng, nghiên cứu khoa học là một đam mê. Các hướng nghiên cứu mà cô quan tâm là xử lý nước và nước thải; xử lý ô nhiễm và cải tạo đất; khoa học bền vững. Trọng tâm nghiên cứu của TS. Hằng là chế tạo và ứng dụng vật liệu sinh học (ví dụ: vật liệu hấp phụ có nguồn gốc từ phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp), phát triển công nghệ thân thiện môi trường (hấp phụ sinh học, xử lý ô nhiễm bằng thực vật, đất ngập nước, công nghệ phân hủy yếm khí,...) để loại bỏ chất ô nhiễm, thu hồi chất

đinh dưỡng, đồng thời giảm thiểu chất thải, giảm lượng khí thải carbon, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Bên cạnh đó, TS. Hằng cũng quan tâm đến công nghệ xử lý và tái sử dụng nước thải; quản lý chất thải rắn. Hiện tại, nghiên cứu của TS. Hằng tập trung nhiều hơn vào việc phát triển các vật liệu và công nghệ thân thiện môi trường, có khả năng ứng dụng cao ở Việt Nam, mối liên hệ giữa nước - rác thải - năng lượng sinh học, kiểm soát phát thải khí nhà kính, và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp ở nông thôn Việt Nam.

#### NHỮNG THÀNH TÍCH ẤN TƯỢNG

Đến nay, TS. Hằng đã và đang chủ trì, tham gia thực hiện thành công nhiều đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước (KC.07.04, KC.08.02, NAFOSTED 105.99-2018.13), đề tài cấp Bộ KH-CN, cấp Tỉnh, cấp ĐHQGHN (ARC-VNU CA.18.11), cấp Trường, dự án quốc tế (VCEP, JICA).

Về công bố khoa học, trong giai đoạn 2011-2021, TS. Hằng là tác giả chính và đồng tác giả trong 19 bài báo ISI uy tín (17 bài Q1, 2 bài Q2), 06 bài báo SCOPUS (1 bài Q3), 01 bài đăng trên Tạp chí quốc tế không phải ISI, 04 bài báo đăng trên các Tạp chí khoa học quốc gia. Đáng chú ý là, trong số này, có 13/25 bài (chiếm tỷ lệ 52%) được đăng trên các tạp chí uy tín, thuộc top 5% đến 10% trong các lĩnh vực nghiên cứu. Ngoài ra, TS. Hằng còn là đồng tác giả 01 chương trong sách chuyên khảo tiếng Anh được xuất bản bởi Hiệp hội Kỹ thuật Xây dựng Hoa Kỳ. Với các thành tích nghiên cứu nổi bật, TS. Hằng vinh dự được nhận nhiều giải thưởng và bằng khen như: Giải thưởng của Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN dành cho Phụ nữ xuất sắc trong nghiên cứu khoa học (2012), Các giải thưởng của Trường Đại học Công nghệ Sydney, Úc dành cho

Nghiên cứu sinh Tiến sĩ có nhiều công trình khoa học xuất bản trên các Tạp chí khoa học có chất lượng cao (2014, 2015), Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học tự nhiên và được ứng dụng thực tiễn năm 2020, Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho các nhà khoa học có thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế và sở hữu trí tuệ năm 2020.

Về đào tạo, trong 5 năm phát triển (2016-2021), Chương trình Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường đã đào tạo được 35 thạc sĩ. Trong đó, TS. Hằng là hướng dẫn chính và đồng hướng dẫn của 9 thạc sĩ. Là Chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu các cấp, TS. Hằng luôn tạo điều kiện để sinh viên Chương trình Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường có cơ hội tham gia nghiên cứu cùng TS, qua đó truyền cảm hứng, đam mê nghiên cứu khoa học cho các em. 5/9 sinh viên (chiếm tỷ lệ 55,56%) do TS. Hằng là hướng dẫn chính hoặc đồng hướng dẫn sau khi tốt nghiệp đã lựa chọn tiếp tục học Tiến sĩ tại các trường đại học danh tiếng của Nhật Bản (Trường Đại học Kyoto, Trường Đại học Ritsumeikan).

Để có được thành công trong nghiên cứu khoa học, TS. Hằng luôn tâm niệm phương châm “Say mê - Tận tâm - Kiên định - Sáng tạo”. Đó là điều TS học hỏi được từ GS. TS. Ngô Hữu Hào, giáo viên hướng dẫn luận án Tiến sĩ, Đại học Công nghệ Sydney (Úc). Với TS, GS. Hào là người Thầy lớn, một nhà khoa học chân chính, người mà cô luôn yêu quý, ngưỡng mộ và noi theo. Với những gì đã làm được, TS. Hằng mong muốn tiếp bước người Thầy của mình trên hành trình nghiên cứu khoa học và truyền ngọn lửa đam mê này cho nhiều thế hệ sinh viên.

HÀNH TRÌNH  
 *vươn tới*

5 TOP

» TS. NGUYỄN HOÀNG SƠN

## XẾP HẠNG THƯ VIỆN SỐ NỘI SINH TOÀN CẦU

Bảng xếp hạng kho tài nguyên số nội sinh được Google Scholar đánh chỉ mục tìm kiếm được thực hiện bởi Phòng thí nghiệm Cybermetrics Labs (thuộc Hội đồng nghiên cứu Quốc gia Tây Ban Nha). Mục đích của bảng xếp hạng này là hỗ trợ các sáng kiến truy cập mở (Open Access), tạo quyền truy cập miễn phí vào các ấn phẩm khoa học dưới dạng số và đặc biệt là nguồn tài nguyên số nội sinh của các trường đại học như: luận văn số, luận án số, kết quả nghiên cứu số, xuất bản phẩm khoa học của trường... Số lượng các đối tượng số được Google Scholar đánh chỉ mục tìm kiếm phản ánh: Một là, khả năng hiển thị số mức độ toàn cầu và tác động của các kho lưu trữ khoa học số đến cộng đồng khoa học thế giới, tăng sự truy cập và sử dụng các kho tài nguyên số này và đặc biệt gia tăng mức độ trích dẫn đến các công trình khoa học dạng truy cập mở và qua đó tăng mức độ nổi tiếng và tầm ảnh hưởng khoa học của tác giả (hoặc nhóm các tác giả) cũng như trường đại học (tổ chức) mà tác giả đó đang làm việc. Hai là, một minh chứng phản ánh mức độ chuyển đổi số của một trường đại học (tổ chức số) và mức độ sẵn sàng và minh bạch học liệu số phục vụ cho một đại học số. Ba là, kho dữ liệu khoa học nguồn để tạo nên hồ sơ tác giả số trên Google Scholar để đo lường trích dẫn khoa học ( h-index, i10-index), tăng hiểu biết lẫn nhau trong cộng đồng khoa học, thúc đẩy giao lưu học thuật. Đây cũng là nguồn dữ liệu cá nhân nhà khoa học rất quan trọng để quản trị tri thức và quản trị nhân sự khoa học của các trường đại học cũng như tổ chức nghiên cứu...

## HÀNH TRÌNH LỘT VÀO TOP 50 THƯ VIỆN SỐ NỘI SINH TOÀN CẦU

Vào năm 2015, nhận thức được tầm quan trọng của việc tham gia bảng xếp hạng này, dưới sự chỉ đạo sáng suốt và quyết liệt của ĐHQGHN, Trung tâm TT-TV, ĐHQGHN (VNU-LIC), đã đẩy nhanh

**TỔNG QUAN HỌC LIỆU THƯ VIỆN VNU-LIC**  
(Cập nhật tháng 9/2021)

**TÌM KIẾM THÔNG MINH**  **TẤT CẢ TÀI NGUYÊN** 🔍

| 1  | 2   | 3  | 4  |
|--|---|--|--|
| <b>GIÁO TRÌNH VÀ SÁCH SỐ</b>                                 | <b>LUẬN ÁN VÀ LUẬN VĂN SỐ</b>   | <b>TẠP CHÍ VÀ SÁCH SỐ NGOẠI VĂN</b>                          | <b>TÀI LIỆU IN</b>                                 |
|  |   |  |  |
| <a href="http://bookworm.vnu.edu.vn">bookworm.vnu.edu.vn</a> | <a href="http://repository.vnu.edu.vn">repository.vnu.edu.vn</a>  | <a href="http://find.lic.vnu.edu.vn">find.lic.vnu.edu.vn</a> | <a href="http://lic.vnu.edu.vn">lic.vnu.edu.vn</a> |
| 130.000 Học liệu số  | ~33.000 Luận án, luận văn<br>2.000 Kết quả nghiên cứu<br>46.705 Khóa luận, kỷ yếu, hội nghị, hội thảo,... | ~53.000 Sách số<br>~4.100 Tạp chí số                         | ~114.000 Tên sách<br>400 Tên tạp chí               |

**4 ĐỊA ĐIỂM PHỤC VỤ** ~52.000 người dùng tin (Cán bộ: 4.300; Sinh viên: 37.200; Sau đại học: 8.250...)

- PHÒNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TỔNG HỢP**  
Thụ sở chính: Nhà C17 Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- PHÒNG DỊCH VỤ THÔNG TIN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI NHÂN VĂN**  
Nhà M, Số 336 Nguyễn Trãi - Tầng 7 nhà T5, Số 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- PHÒNG DỊCH VỤ THÔNG TIN NGOẠI NGỮ**  
Nhà A2 Trường ĐH Ngoại Ngữ, Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội
- PHÒNG DỊCH VỤ THÔNG TIN MỀM TRỊ**  
Số 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội

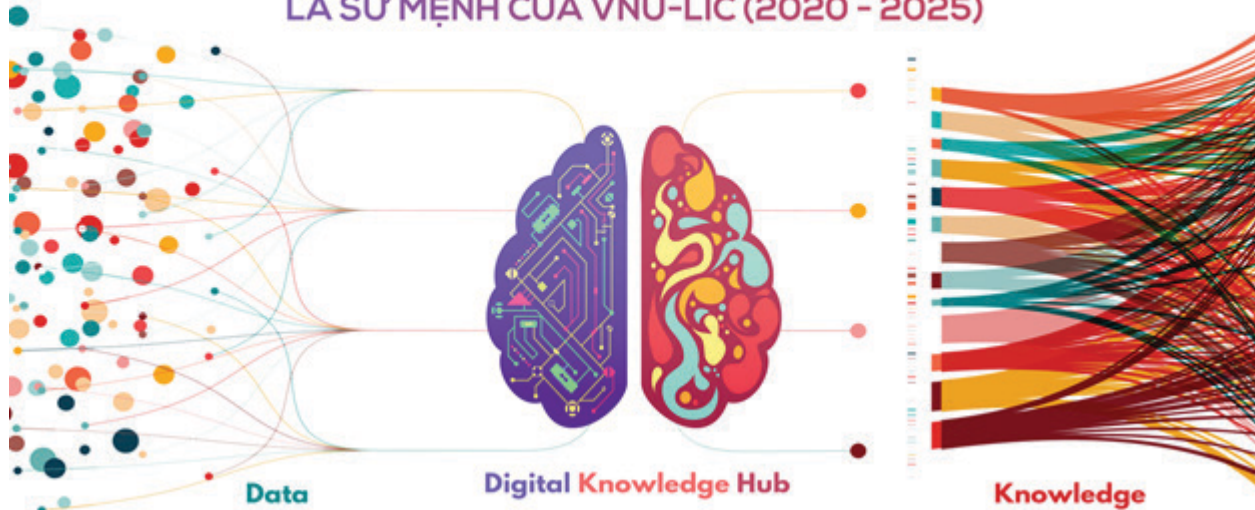
**TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN, ĐHQGHN**  
HOTLINE: (84-24) 62 539 899 | Email: [lic@vnu.edu.vn](mailto:lic@vnu.edu.vn) | Website: [lic.vnu.edu.vn](http://lic.vnu.edu.vn)

tốc độ số hóa kho tài nguyên nội sinh (<https://repository.vnu.edu.vn/>), cài đặt và cấu hình phần mềm Dspace, chuyển đổi dữ liệu từ nền tảng cũ sang nền tảng mới Dspace, chuẩn hóa dữ liệu khoa học và tạo lập siêu dữ liệu để quản trị toàn bộ kho dữ liệu số này. Đội ngũ kỹ thuật của VNU-LIC đã làm việc liên tục, hợp tác chặt chẽ dưới sự hỗ trợ của với công ty DLCorp (nhà sáng lập cộng đồng Dspace User Group Việt Nam) và chỉ sau 6 năm (2015-2021), sau khi công bố cho truy cập mở

(open access) và được Google Scholar đánh chỉ mục, từ mức xếp hạng rất khiêm tốn là 816 (1/2015), kho tài nguyên nội sinh của ĐHQGHN đã tăng 762 bậc và xếp hạng 54 trong tổng số 3803 kho tài nguyên số nội sinh toàn cầu (8/2021).

Sự thành công này của VNU-LIC cho thấy mức độ số hóa tăng cao của kho tài nguyên số nội sinh ĐHQGHN, mức độ lan tỏa và độ mở về khoa học Open Science của ĐHQGHN với thế giới, mức độ nổi tiếng và tăng mức độ trích dẫn đến các tài nguyên học thuật của

## CHUYỂN ĐỔI DỮ LIỆU THÀNH TRI THỨC VÀ QUẢN TRỊ TRI THỨC LÀ SỨ MỆNH CỦA VNU-LIC (2020 - 2025)



ĐHQGHN, là nguồn dữ liệu nền tảng quan trọng để Google Scholar đánh chỉ mục để tìm kiếm dữ liệu khoa học và góp phần tạo nên hồ sơ tác giả số của ĐHQGHN trên Google Scholar,...

### CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI SỐ TRỰC TUYẾN

Không chỉ chú trọng số hóa và chuyển đổi số kho tài nguyên nội sinh trên nền tảng Dspace (luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu), VNU-LIC còn tập trung số hóa và quản trị kho học liệu số (giáo trình, sách tham khảo) trên nền tảng ứng dụng di động VNU-LIC Bookworm (Công ty Tinh Vân phát triển). Kho học liệu số này bao gồm các ngành học, các môn học và tổ chức theo các đơn vị đào tạo, chuyên ngành và đến từng môn học, rất thuận lợi và tiện ích cho học tập số, đào tạo số, nghiên cứu số của ĐHQGHN.

Với sự nỗ lực và sáng tạo không ngừng trong chuyển đổi số, đặc biệt là tính linh hoạt và chuyển đổi cách

vận hành hệ thống công nghệ - dữ liệu - nhân lực trên nền tảng số rất hiệu quả trong hơn 20 tháng diễn ra dịch bệnh COVID-19 vừa qua (từ tháng 1/2020 đến 9/2021), hơn 100 cán bộ và nhân viên VNU-LIC đã nhanh chóng thu thập, số hóa, bổ sung, tổ chức, lưu trữ và phục vụ hệ thống học liệu số đồ sộ, đa dạng, bao phủ các ngành học của ĐHQGHN. Chỉ tính riêng kho học liệu số trên ứng dụng di động VNU-LIC Bookworm trong 20 tháng vừa qua, đã có hơn 102.000 quyển sách số, giáo trình số, sách nghiên cứu tham khảo,... được số hóa, thu thập, bổ sung vào kho học liệu này để phục vụ đặc biệt cho ĐHQGHN trong mùa dịch.

Toàn bộ nhân lực VNU-LIC đã chuyển sang làm việc online rất hiệu quả, hệ thống dữ liệu được quản lý từ xa và được xử lý, quản trị với hiệu suất cao để đảm bảo hơn 100 nhân viên làm việc online đồng thời để phục vụ cùng một lúc hơn 50.000 người dùng ĐHQGHN truy cập, đọc sách số, giáo trình số,

luận văn - luận án số đảm bảo thông suốt cho quá trình học tập số, giảng dạy số, nghiên cứu số trong suốt các giai đoạn giãn cách trong gần 2 năm vừa qua. Việc sử dụng học liệu số từ xa không chỉ tăng năng suất lao động trí óc của giảng viên và sinh viên ĐHQGHN vì sự tiện lợi và nhanh chóng sử dụng học liệu số trong thời gian thực, liên tục 24/24 mà còn đảm bảo sự giãn cách và an toàn trong mùa dịch của ĐHQGHN. Trong 8 tháng đầu năm 2021, số liệu thống kê cho thấy hơn 19 triệu lượt tương tác số với kho học liệu số VNU-LIC và tăng hơn 39% so với 8 tháng cùng kì năm ngoái là minh chứng rõ nét của hiệu quả phục vụ học liệu số VNU-LIC nói riêng và phản ánh sự chuyển đổi số mạnh mẽ của ĐHQGHN nói chung trong năm 2021.

Không chỉ phát triển hệ thống dữ liệu lớn về học liệu: Giáo trình số và sách số; Luận án và luận văn số; Tạp chí và sách số ngoại văn; Tài liệu in, VNU-LIC còn ứng dụng công cụ tìm kiếm thông minh và

tập trung URD2 (Primo, Metalib, SFX, Bx) của công ty Ex Libris để thống nhất tìm kiếm cả 4 nguồn học liệu trên, một lệnh tìm kiếm có thể truy xuất dữ liệu liên thông tất cả các nguồn dữ liệu trên, đơn giản và tối ưu hóa quá trình tìm kiếm. Ngoài ra, hệ thống tìm kiếm thông minh URD2 còn giúp người dùng vượt tới các kho dữ liệu học thuật toàn cầu chỉ bằng 1 lệnh tìm kiếm, giúp tích hợp hệ tri thức số ĐHQGHN với hệ tri thức số toàn cầu,...

## TRỞ THÀNH TRUNG TÂM TRI THỨC SỐ - THƯ VIỆN

Trong bối cảnh dữ liệu lớn bùng nổ, VNU-LIC đã hiểu được nhu cầu sinh viên, giảng viên, nhà nghiên cứu ĐHQGHN cần không chỉ là dữ liệu số (dữ liệu mơ hồ chưa có ý nghĩa, chưa có nội dung, chưa có giá trị sử dụng) mà chính là tri thức số (có ý nghĩa, có nội dung; dữ liệu được tổ chức, tổng hợp, phân tích, chế biến thành tri thức có giá trị sử dụng,...). Không những vậy, VNU-LIC đã chuyển đổi dữ liệu lớn thành tri thức số để rút ngắn quá trình ra quyết định, định hướng tri thức của người sử dụng, giúp họ không bị chìm và mất phương hướng trong dữ liệu lớn đang bùng nổ. VNU-LIC cũng đã hỗ trợ hiệu quả nghiên cứu số - đào tạo số - quản lý số để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong ĐHQGHN. Với những thành tựu đạt được và sự hiểu biết về nhu cầu đó, VNU-LIC đã xác định được các chức năng mới, nhiệm vụ mới, ứng dụng quản trị tri thức số vào mọi hoạt động để chuyển đổi thành công sang mô hình Trung tâm Tri thức số - Thư viện (2020-2025).

VNU-LIC đã và đang phát triển rất nhanh và hiệu quả các dịch vụ quản trị tri thức số như sau:

| RANK | INSTITUTIONAL REPOSITORIES                                 | ITEMS |
|------|--|-------|
| 49   | Repositorio Académico de la Universidad de Chile           | 48600 |
| 50   | Repositorio Institucional Universidade Federal do Ceará    | 48500 |
| 51   | Universitetet i Oslo Digitale Publikasjoner                | 48400 |
| 51   | University of Muhammadiyah Malang Institutional Repository | 48400 |
| 53   | Belarus State Economic University Digital Library          | 47200 |
| 54   | Vietnam National University Digital Repository             | 46700 |
| 55   | Delft University of Technology Repository                  | 46300 |
| 55   | University of New México Digital Repository                | 46300 |
| 57   | Croatian Digital Theses Repository                         | 46200 |

- Số hóa theo yêu cầu;
- Chuyển đổi số, xây dựng, tổ chức và quản trị học liệu số theo yêu cầu các đơn vị đào tạo;
- Cung cấp dữ liệu, thông tin, tri thức cho nghiên cứu – đào tạo;
- Hỗ trợ công cụ cho nghiên cứu, giảng dạy, học tập;
- Trắc lượng thư mục;
- Kết nối dữ liệu khoa học liên thư viện;
- Tạo lập hồ sơ tác giả khoa học phục vụ cho quản trị nhân lực khoa học;
- Hỗ trợ nâng cao chất lượng văn bản;
- Quản lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu khoa học;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học,...

Với những đổi mới và sáng tạo liên tục trong nhiều năm qua, dưới sự chỉ đạo mạnh mẽ và sáng suốt của ĐHQGHN, VNU-LIC sẽ tăng tốc và bứt phá trong tương lai, góp phần kiến tạo nên nền tảng số, bệ phóng số vững chắc để phát triển Đại học số - Đại học thông minh, ĐHQGHN (2020-2025).

**SÁCH HOT**

- Beyond the Web
- Age and Video Technology : 7th
- Worlds of the Ocean: A

**SÁCH MỚI**

- Bản tin Khoa học & Công nghệ, Đại học
- Luyện trí nhớ - Cải thiện trí nhớ chỉ trong
- Mặc kệ nó, làm tới đi: những bài học trong

**CSDL MÔN HỌC THEO ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO**

- Đại học Quốc gia Hà Nội
- Sách nói
- Sách HOT
- Học tập số, Đào tạo số
- Trung tâm Tri thức số - Quản trị tri thức
- Học tập - Nghiên cứu - Sáng tạo - Viết
- Bách khoa thư - Số tay
- Văn học nước ngoài
- Trường Đại học KHĐT
- Môn chung (151)
- Ngành Quản lý đất đai (97)
- Ngành Khoa học vật liệu (189)
- Ngành Công nghệ kỹ thuật hạt nhân (17)
- Ngành Khoa học Môi trường (45)
- Ngành Khoa học đất (13)
- Ngành Công nghệ sinh học (52)
- Ngành Địa chất học (7)
- Ngành Kỹ thuật địa chất (18)
- Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (14)
- Ngành Địa lý tự nhiên (38)



## CHUYỀN ĐỔI SỐ TRONG ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUỐC TẾ

**VIỆC BẮT BUỘC PHẢI CHUYỂN HÌNH THỨC DẠY HỌC TỪ TRỰC TIẾP SANG TRỰC TUYẾN VÌ ĐẠI DỊCH COVID-19 GIỮ LÀ THỜI CƠ ĐỂ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC CHUYỂN ĐỔI SỐ (CDS). VIỆN QUỐC TẾ PHÁP NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (IFI) LÀ MỘT TRONG NHỮNG ĐƠN VỊ TIÊN PHONG CỦA XU THẾ NÀY.**

### » TRANG HUỲNH NHƯ

**G**iao dục là một trong các lĩnh vực được ưu tiên trong chương trình CDS quốc gia. Là một tổ chức giáo dục đại học tiên phong ở Việt Nam về công nghệ thông tin, hiện nay IFI cũng là đơn vị có trình độ quốc tế hóa cao nhất Việt Nam. Hai đặc điểm này khiến IFI thấy rõ hơn ai hết những cơ hội và thách thức của CDS trong giáo dục đại học.

Theo ông Ngô Tự Lập, Viện trưởng IFI, một trong những lợi ích mà CDS đem lại cho IFI là sự gia tăng tính quốc tế của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Chính nhờ CDS mà ngay cả trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đang làm đình đốn nền kinh tế thế giới,

IFI vẫn thu hút được một số lượng tương đối lớn học viên quốc tế (tổng học viên năm 2021 là 120, trong đó 90 học viên quốc tế). Không những thế, CDS còn có khả năng biến các bài giảng thông thường thành những seminar có tính quốc tế hóa cao nhờ sự tham gia của đồng đảo không chỉ của sinh viên, giáo sư, mà cả các nhà quản lý và doanh nhân trên toàn thế giới. CDS cũng mở ra khả năng to lớn cho người học và giảng viên trong tiếp cận tài liệu và tra cứu thông tin. Ở những đô thị lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, học trực tuyến còn giúp tiết kiệm thời gian đi lại.

CDS còn giúp tăng cường tính



binh đẳng học thuật giữa thầy và trò - đó là quan điểm được GS. Ronald Strickland (Đại học Công nghệ Michigan, Hoa Kỳ) trình bày tại Hội thảo quốc tế “Chuyển đổi số và giáo dục đại học: Khi thách thức là cơ hội” được IFI phối hợp với Đại học Kỹ thuật Ostrava (Cộng hòa Séc), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Hạ Long, Viện Chính sách và Quản lý (IPAM), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN tổ chức ngày 10 tháng 9 năm 2021 vừa qua. Theo GS. Strickland, sự bùng nổ của giảng dạy trực tuyến không nhất thiết là một cuộc tấn công kiểu tân-tự do vào giáo dục đại học, dẫn đến việc tăng sĩ số, làm suy giảm trải nghiệm học tập và biến người thầy thành một dạng công nhân trong dây chuyền lắp ráp. Ngược lại, ông đã thử nghiệm tổ chức những seminar trực tuyến với số lượng sinh viên hạn chế, cho thấy những lợi thế thú vị và đáng chú ý của các lớp học trực tuyến, một trong số đó là khả năng tạo ra tính bình đẳng của môi trường sư phạm.

Bên cạnh những thuận lợi, CDS cũng gây ra không ít khó khăn, thách thức. Ngoài những khó khăn chung đối với mọi cơ sở giáo dục, IFI còn phải đối mặt với những khó khăn đặc thù, như phải chia nhỏ lớp học do học viên đến từ nhiều nước, có sự khác biệt lớn về trình độ phát triển kinh tế, công nghệ,

về truyền thống văn hóa. Có những khó khăn ít ai ngờ tới, như sự khác nhau trong quan niệm và thói quen giao tiếp văn hóa hay thậm chí là sự khác biệt về múi giờ.

Đứng trước những thách thức và cơ hội đối với giáo dục đại học trong thời đại số, IFI đã chủ trương thúc đẩy CDS mạnh mẽ cả trong đào tạo và quản lý. Nhờ vậy, IFI vẫn duy trì được các chương trình đào tạo với khoảng 90% học viên là người nước ngoài đến từ hơn hai mươi quốc gia. Các chương trình đào tạo của Viện đều liên quan đến công nghệ số và phục vụ trực tiếp nhu cầu chuyển đổi số của đất nước như các chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống thông minh và Đa phương tiện, Truyền dữ liệu và Mạng máy tính, Truyền thông số và Xuất bản, và mới nhất là chương trình Thạc sĩ Ngân hàng, Tài chính và Công nghệ tài chính (Fintech) - chương trình đầu tiên tại Việt Nam.

“CDS trước hết là thay đổi tư duy lãnh đạo” ông Ngô Tự Lập, Viện trưởng IFI cho biết. “Ở IFI, chúng tôi công tác đào tạo không còn áp dụng đơn thuần hình thức trực tuyến theo cách hiểu thông thường. Trên thực tế, hình thức đào tạo ở IFI là “học trực tiếp trên nền tảng số”. Tại IFI, ứng dụng công nghệ số không đơn thuần là các giải pháp tinh thể, mà còn là một chiến lược để phát triển bền vững”.

“Tham gia chương trình Thạc sĩ tại IFI, tôi cảm thấy như mình đã thực hiện được một giấc mơ. Thế nhưng, sau đó đại dịch COVID-19 xuất hiện và làm gián đoạn quá trình học tập của mọi người. Lần đầu học trực tuyến đã gây ra nhiều ngỡ ngàng cho cả học viên, giáo viên lẫn đội ngũ cán bộ hỗ trợ lớp học, nhưng sau tất cả, mọi người đã cùng trao đổi để khắc phục khó khăn. Để đảm bảo đường truyền internet, IFI đã mở cửa nhiều phòng học theo giờ, sắp xếp có cán bộ trực lớp để học viên đến học đồng thời tuân thủ các điều kiện giãn cách và tổ chức cho học viên mượn máy tính. Sau khi thành phố quay lại trạng thái bình thường mới, IFI đã nhanh chóng sắp xếp để chúng tôi đến học trực tiếp, bổ sung thêm giờ thực hành ngoài chương trình để trợ giảng hỗ trợ học viên, tổ chức những buổi chia sẻ lắng nghe giữa cán bộ quản lý học viên và học viên để nắm tình hình và hỗ trợ học viên kịp thời. Nhờ đó, những lo lắng của tôi dần dần lắng xuống. Thêm vào đó là sự hỗ trợ tâm lý mà tôi nhận được từ các thành viên của IFI. Thật vậy, đối với tôi, một học viên đến từ một quốc gia khác, đội ngũ cán bộ IFI đã thể hiện sự kiên nhẫn, lòng nhiệt thành và tính tự chủ cao độ. Điều này đã tác động tích cực đến tôi, giúp tôi vượt qua khó khăn và hoàn thành chương trình học”. – Noël Davy MBAMA, học viên Khóa 1, Chương trình Thạc sĩ Truyền thông số và Xuất bản

“Học trực tuyến là một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ với cá nhân tôi. Tôi luôn không đánh giá cao việc học trực tuyến vì nó làm giảm tính tương tác giữa học viên và giáo viên. Hơn nữa, những yếu tố khách quan như đường truyền kết nối cũng làm giảm độ tập trung và hiệu quả của giờ học. Lớp học 11 người, vậy là có 12 điểm kết nối, 12 nguy cơ đường truyền. Thế nhưng, các Thầy Cô đã rất cố gắng để tăng kết nối, tương tác và trao đổi thay vì chỉ giảng bài đơn thuần. Ngoài ra, đối với các môn học yêu cầu thao tác kỹ thuật như chụp ảnh, quay phim phải học trực tuyến, IFI đã bổ sung thêm các giờ học thực hành (ngoài chương trình) và cho phép các học viên được sử dụng thiết bị của IFI để hỗ trợ học viên thực hành môn học”. – Đào Anh Thu, học viên Khóa 1, Chương trình Thạc sĩ Truyền thông số và Xuất bản

# HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN CHÍNH SÁCH

TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐHQGHN

## NHỮNG KẾT QUẢ VÀ YÊU CẦU MỚI ĐẶT RA

» PGS.TS. ĐÀO THANH TRƯỜNG

CÁC BIẾN ĐỔI XÃ HỘI GẦN ĐÂY, ĐẶC BIỆT LÀ ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐÃ MINH CHỨNG VỀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐA CHIỀU VÀ KHÓ LƯỜNG MÀ BẤT CỨ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH QUỐC GIA NÀO CŨNG ĐỀU PHẢI ĐỔI MẶT VÀ THAY ĐỔI. TRONG BỐI CẢNH NÀY, HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN CHÍNH SÁCH TRỞ NÊN CẤP BÁCH HƠN BAO GIỜ HẾT. VIỆC THÍCH ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG BIẾN ĐỔI CHÍNH LÀ CƠ HỘI ĐỂ CÁC TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÍNH SÁCH, TRONG ĐÓ CÓ TRƯỜNG ĐẠI HỌC, NÂNG CAO VÀ HOÀN THIÊN NĂNG LỰC TƯ VẤN, TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG TƯ VẤN CHÍNH SÁCH. KỂ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (ĐHQGHN) ĐÃ CHỦ ĐỘNG PHÁT TRIỂN CÁC HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN CHÍNH SÁCH, CÁC TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÍNH SÁCH, GÓP PHẦN CUNG CẤP CÁC LUẬN CỨ PHỤC VỤ CHO QUÁ TRÌNH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN.



### Hoạt động nghiên cứu và tư vấn chính sách tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn lớn nhất của đất nước, có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học cơ bản trình độ cao, phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong hơn 75 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chú trọng sự gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với việc cung cấp cơ sở lý luận, các luận cứ phục vụ công tác tư vấn chính sách cho các cơ quan Đảng và Nhà nước, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đồng thời, Nhà trường cũng xây dựng các chương trình nghiên cứu, đào tạo về nghiên cứu chính sách, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ làm chính sách tại các địa phương với nhiều kết quả đáng ghi nhận.

*(1) Nhận diện các vấn đề chính sách và xây dựng các khuyến nghị chính sách*

Từ năm 2002 Nhà trường đã thành lập Hội đồng Tư vấn Chính sách, với chức năng nghiên cứu, đề xuất những giải pháp chính sách về lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa, con người, quan hệ quốc tế,... để báo cáo tư vấn các cơ quan Đảng và Nhà nước, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Với sự tham gia của đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành từ các tổ chức, đơn vị trong và ngoài ĐHQGHN, Hội đồng Tư vấn chính sách đã triển khai các hoạt động, báo cáo tư vấn chính sách nhằm giải quyết những vấn đề quyết sách lớn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Nhà nước.

Trước những đòi hỏi, yêu cầu mới về biến đổi xã hội và việc ra các quyết định, các chính sách nhanh chóng và kịp thời, hoạt động của Hội đồng Tư vấn chính sách đang tập trung vào các Chương trình Tư vấn chính sách theo chủ điểm lớn về phát triển và ứng phó với biến đổi, đặc biệt là các biến đổi xã hội hiện vẫn đang tạo ra những thách thức lớn hiện nay như COVID-19. Bên cạnh đó, nhiều đề tài, nhiệm vụ khoa học về nghiên cứu, đánh giá chính sách do các đơn vị thuộc Nhà trường triển khai đã xây dựng các bản kiến nghị chính sách gửi tới Chính phủ và các cơ quan, ban ngành liên quan, gắn kết với hoạt động tư vấn chính sách tại các địa phương. Trong đó, có thể kể đến nhiệm vụ cấp quốc gia: “Nghiên cứu rà soát, đánh giá kết quả, tác động và đề xuất giải pháp triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 79/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ” nằm trong các nhiệm vụ thuộc chương trình Tây Bắc giai đoạn 2013-2020 do ĐHQGHN là đơn vị chủ quản.

*(2) Chủ trì các hội thảo, tọa đàm khoa học gắn với tư vấn chính sách*

Là một đơn vị thành viên thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Chính sách và Quản lý (IPAM) vinh dự là think tank được xếp hạng trong Top 2020 Social Think Tanks, xếp hạng thứ 108 và thuộc Top 2020 Best New Think Tanks của Chương trình Think Tanks và Covil Societies – Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ<sup>1</sup>. Thành lập từ năm 2002 từ khi còn là một chương trình nghiên cứu, Viện Chính sách và Quản lý đã có những đóng góp đáng kể cho quá trình xây dựng các lĩnh vực nghiên cứu về chính sách, là đầu mối triển

khai các nhiệm vụ chuyên môn cho Hội đồng tư vấn chính sách tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn từ năm 2021. Viện cũng là đơn vị tổ chức hơn 40 hội thảo, tọa đàm trong nước và quốc tế để trao đổi kinh nghiệm giữa các tổ chức về nghiên cứu, đào tạo và hoạch định chính sách, thiết kế các chương trình hợp tác giữa các thành viên của mạng lưới tư vấn và hợp tác trong phân tích và hoạch định chính sách. Viện cũng trực tiếp triển khai các bản góp ý cho các dự thảo Luật như Luật KH&CN 2013, Luật Giáo dục đại học 2012, Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018. Các tọa đàm, hội thảo của Nhà trường gắn với mục tiêu tư vấn chính sách đã góp phần hình thành nên các mạng lưới chính sách, các nhóm chuyên gia đầu ngành, các nhóm nghiên cứu mạnh về chính sách.

*(3) Cung cấp các tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác tư vấn chính sách*

Theo lời đặt hàng của Viện Nghiên cứu Lập pháp, thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2012) và của Thư viện Quốc hội phục vụ nhu cầu thông tin của các đại biểu Quốc hội (2018), Viện Chính sách và Quản lý đã cung cấp hơn 1000 cuốn tài liệu “Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách”, “Kỹ năng đánh giá chính sách”. Bên cạnh Tạp chí chuyên ngành về khoa học xã hội và nhân văn; Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý cũng là một diễn đàn khoa học có uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu chính sách và quản lý, đã xuất bản hơn 25 số gồm cả số tiếng Anh và tiếng Việt với nhiều bài viết chuyên sâu về phân tích chính sách, cung cấp

<sup>1</sup> Theo kết quả công bố tháng 02/2021

các khuyến nghị chính sách, nhận diện các vấn đề chính sách đương đại. Đây là những tài liệu quan trọng để cung cấp, hỗ trợ thêm nền tảng lý luận cho các Đại biểu quốc hội, nhà hoạch định chính sách các cấp. Bên cạnh các hoạt động tư vấn chính sách, các khoa, các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu trực thuộc trường cũng xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu nghiên cứu chuyên sâu gắn với các chuyên ngành đào tạo về chính sách công, quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới, chính sách xã hội (Khoa Khoa học Quản lý). Từ năm 2002 đến nay, hơn 40 khóa tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, hoạch định và đánh giá chính sách cho Đại biểu Quốc hội, cán bộ các văn phòng Trung ương, thuộc Văn phòng Quốc hội và các nhà hoạch định chính sách cấp cơ sở, các giảng viên với sự tham gia của các chuyên gia trong nước và quốc tế đã được triển khai với vai trò đầu mối là Viện Chính sách và Quản lý. Có thể khẳng định, những tài liệu, ấn phẩm và các hoạt động đào tạo về chính sách mang thương hiệu VNU USSH đã có những đóng góp cho quá trình phát triển đội ngũ cán bộ các cấp, đội ngũ chuyên gia, nhân lực tư vấn chính sách, tạo ra những dấu ấn riêng trong rất nhiều các thương hiệu đào tạo về chính sách tại Việt Nam hiện nay.

### Những yêu cầu mới đặt ra cho hoạt động tư vấn chính sách

Trong bối cảnh hiện nay, các biến đổi xã hội đã và đang tạo ra các thách thức mới cho hoạt động tư vấn chính sách, có thể khái quát qua 4 điểm: nhiều vấn đề hơn, nhiều thành phần hơn, nhiều cạnh tranh hơn và nhiều xung đột hơn. Điều này đặt ra nhu cầu nâng cao năng lực của các tổ chức tư vấn chính sách, thay đổi phương thức và cách tiếp cận trong tư vấn chính sách, phát triển chức



năng tư vấn chính sách trong trường đại học.

Từ kết quả hoạt động tư vấn chính sách tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, bài viết bước đầu nhận diện một số yêu cầu mới đặt ra cho hoạt động tư vấn chính sách tại các trường đại học nói riêng, và với ĐHQGHN nói chung. Cụ thể:

- Tạo lập môi trường cho các hoạt động tư vấn chính sách: Để có thể kết nối nghiên cứu khoa học với quá trình làm chính sách, các nhà khoa học, các chuyên gia cần chú trọng phát triển hệ thống cơ sở lý luận, giải pháp, các kịch bản chính sách; đặc biệt, chú trọng vào những kiến nghị mang tính “dẫn dắt”, “dẫn đầu” trong các lĩnh vực phát triển mới và bối cảnh biến đổi xã hội ngày càng phức tạp như hiện nay. Đồng thời, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có tiềm năng, có khả năng tư vấn và phân biện chính sách để kết nối thành các mạng lưới tư vấn chính sách trong các trường thành viên và trong ĐHQGHN. Các mạng lưới tư vấn chính sách có thể dựa trên cơ sở hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Việc thành lập mạng lưới này không chỉ đơn thuần là việc trao đổi, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm giữa các cá nhân, đơn vị mà còn tạo dựng các diễn đàn tư vấn lớn, liên ngành, đa ngành, đa lĩnh vực, tạo nên các sản phẩm tư vấn chính sách đặc thù bên cạnh những sản phẩm báo cáo thường niên về các vấn đề phát triển kinh tế, xã hội hiện nay.

- Mở rộng hình thức/phạm vi/đối tượng tư vấn: với sức mạnh của công nghệ thông tin trong bối cảnh Cách mạng Công

nghiệp lần thứ tư thì việc mở rộng hình thức tư vấn “trực tiếp” sang tư vấn “trực tuyến” sẽ nâng cao khả năng tiếp cận chính sách với tốc độ nhanh, nhận được nhiều tư vấn, phản biện chính sách cùng một lúc và khả năng phổ quát của thông tin cũng mạnh hơn. Thêm vào đó, các cá nhân, tổ chức phát triển hoạt động tư vấn chính sách với nhiều cấp độ: quốc tế, khu vực, quốc gia, vùng, địa phương song hành với việc mở rộng đối tượng tư vấn sẽ góp phần lan tỏa hiệu quả cũng như hiệu ứng từ hoạt động này trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bối cảnh COVID-19 đã tạo ra thói quen về sử dụng các nền tảng trực tuyến không chỉ trong công tác giảng dạy, mà áp dụng trong cả công tác quản lý, điều hành các đơn vị. Đây cũng là một yếu tố tạo ra những thuận lợi cho việc phát triển các hình thức, các hoạt động tư vấn chính sách trực tuyến trong thời gian tới. Bên cạnh mục tiêu cung cấp luận cứ cho quá trình làm chính sách, hoạt động tư vấn chính sách trong môi trường biến đổi cũng cần mở rộng các khâu quan trọng, trong đó có thực hiện chức năng dự báo để đưa ra các kịch bản ứng phó kịp thời nhằm kiểm soát và điều chỉnh xã hội.

- Định hình thể mạnh về tư vấn chính sách: Bên cạnh hình thức tương tác và trao đổi có tính chất gián tiếp, các cơ quan hoạch định chính sách có thể tổ chức hội nghị lắng nghe ý kiến, hội thảo khoa học, hội nghị tư vấn,... có sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học ở các lĩnh vực khác nhau, liên kết các chuyên gia trong chính ĐHQGHN. Chiến lược về One VNU đang tạo ra cơ hội lớn về tư duy kết nối giữa các nhà khoa học ở nhiều ngành, lĩnh vực trong chính các đơn vị thành viên của ĐHQGHN. Chiến lược này sẽ thúc đẩy sự tương tác của đội



ngũ chuyên gia đầu ngành trong việc chung tay giải quyết những vấn đề chính sách, tham gia đồng tư vấn với các vấn đề phát triển chính sách cấp quốc gia và khu vực. Mỗi đơn vị thành viên xác định rõ các định hướng giá trị và lĩnh vực ảnh hưởng của mình để từ đó nhận diện những “bản sắc riêng”, thể mạnh riêng trong hoạt động tư vấn chính sách chung của ĐHQGHN trong thời gian tới.

Tựu chung lại, tư vấn chính sách cần được xác định là một nhiệm vụ ưu tiên, khẳng định uy tín của các trường đại học – cầu nối của hoạt động nghiên cứu khoa học với các chính sách phục vụ thực tiễn phát triển xã hội. Những yêu cầu mới đặt ra những thách thức mới cho công tác tư vấn chính sách, song cũng tạo ra những cơ hội để các trường đại học từng bước nâng cao vị thế và giá trị với cộng đồng, xã hội khi định vị những “bản sắc riêng” trong công tác tư vấn chính sách, chủ động tìm kiếm và đương đầu với những vấn đề chính sách đương đại đang đặt ra hiện nay.

# KỸ THUẬT KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HIỆN ĐẠI

VỚI KHAI THÁC VÀ ỨNG DỤNG TRIỆT ĐỂ THÀNH TỰU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, TRUNG TÂM KHẢO THÍ ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (ĐHQGHN) ĐÃ PHÁT TRIỂN THÍCH ỨNG VÀ TỔ CHỨC THÀNH CÔNG KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC (ĐGNL) HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021 TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19 KÉO DÀI. NHỜ QUÁ TRÌNH SỐ HÓA VÀ TỐI ƯU MỌI CÔNG ĐOẠN, TRUNG TÂM KHẢO THÍ ĐÃ THỰC HIỆN KỶ THI AN TOÀN, ĐẢM BẢO CÔNG TÁC PHÒNG DỊCH.



## » GS.TS. NGUYỄN TIẾN THẢO

### ĐĂNG KÝ DỰ THI TRỰC TUYẾN

Việc triển khai ứng dụng phần mềm đăng ký dự thi trực tuyến đảm bảo tính liên tục về không gian, thời gian và giãn cách xã hội. Các hoạt động liên quan đến hồ sơ đăng ký dự thi, lệ phí kỳ thi được thực hiện trên hệ thống phần mềm đăng ký dự thi. Thông tin đăng ký dự thi được ghi nhận, phân tích và xử lý tối ưu hóa phục vụ công tác tổ chức thi trên máy tính. Phần mềm đăng ký dự thi tích hợp hệ thống dữ liệu từng địa chỉ/nơi ở của thí sinh để phân loại, kiểm soát theo vùng dịch, liên thông dữ liệu trung học phổ thông, khu vực ưu tiên, chế độ chính sách ưu tiên,... Danh sách thí sinh dự thi phân loại tự động đảm bảo tính khách quan và sàng lọc theo nơi ở, đối chiếu với danh mục trường trung học phổ thông để đảm bảo an toàn phòng dịch. Riêng năm 2021, thí sinh tại các khu vực có dấu hiệu ca bệnh COVID-19 được cảnh báo và khuyến nghị chuyển ca thi sang thời điểm thích hợp.

### PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM CHUYỂN CA THI

Với hình thức thi truyền thống, thí sinh phải tập trung trước thời điểm vào phòng thi. Tuy nhiên, dịch COVID-19 đòi hỏi phải tổ chức kỳ thi phi tập trung nên hệ thống phần mềm phân loại, giám sát được phát triển đảm bảo giãn cách về không gian địa lý, thời gian dự thi của thí sinh. Danh sách các thí sinh không đang sống ở vùng dịch COVID-19, không thuộc đối tượng F0-F3 sẽ được phần mềm rà soát, sàng lọc trước khi sắp xếp ca thi. Phần mềm kiểm soát tối đa 10 thí sinh đăng ký/ca thi. Tra cứu trực tuyến các thông tin về thời gian địa điểm thi cập nhật theo diễn biến phòng dịch thay cho các phương pháp thông báo truyền thống trước đây. Trường hợp học sinh nằm trong vùng dịch hay vùng bị phong tỏa, cách ly hệ thống chuyển ca thi sẽ tự động khóa dữ liệu thí sinh không thể đến dự thi và tự động khôi phục khi hết dịch. Ngược lại, các thí sinh thuộc “vùng xanh” chủ động chọn khung thời gian phù hợp của mỗi ca thi nhằm đảm bảo một cung đường hai điểm đến

cho buổi thi an toàn.

### ỨNG DỤNG KHOA HỌC TRONG TỔ CHỨC THI

Kỳ thi giãn cách đòi hỏi tính cá thể hóa cao nên ngoài việc phát triển đồng bộ các hợp phần công nghệ thông tin còn phải áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật của khoa học khảo thí hiện đại như ma trận đề tích hợp; số hóa hệ thống ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa; phát triển bộ công cụ phân loại/cân bằng độ khó dễ của từng câu hỏi giữa các đề thi; phân hạng mức độ tương đương giữa các đề thi của các thí sinh, tính riêng rẽ, độc lập của từng bài thi; phân tích đối sánh phần trăm thứ hạng điểm của từng thí sinh với tổng số thí sinh dự thi. Đây là bước quyết định mức độ công bằng và sự thành công của kỳ thi ĐGNL học sinh trung học phổ thông.

Trong quá trình làm bài thi, mỗi thí sinh có 1 đề thi độc lập riêng biệt. Mọi thao tác kỹ thuật, đường truyền được giám sát trong suốt thời gian thi. Phòng thi có gắn hệ thống camera giám sát từ xa. Thí sinh làm bài trong 199 phút và hệ

thông tự động chấm điểm và hiện thị kết quả làm bài sau khi kết thúc.

Hệ thống liên hợp các phần mềm cho phép chuyển kết quả thi đến trung tâm phân tích xử lý dữ liệu và cấp giấy chứng nhận kết quả. Dữ liệu kỳ thi được đối sánh dữ liệu đăng ký dự thi, nhóm năng lực xác định của từng thí sinh tương ứng với chuẩn đầu ra chương trình giáo dục trung học phổ thông.

Tích hợp tra cứu bư phẩ trên hệ thống phần mềm đăng ký dự thi

Kết quả bài thi ĐGNL được tra cứu trên hệ thống khaothi.vnu.edu.vn liên thông với hệ thống phân phối bư phẩ của Bưu điện Việt Nam và cho phép thí sinh tra cứu định vị và thời gian giao nhận. Kết quả bài thi, điểm thi và phổ điểm thi ĐGNL năm 2021 trên cổng thông tin khảo thí của Trung tâm Khảo thí ĐHQGHN.

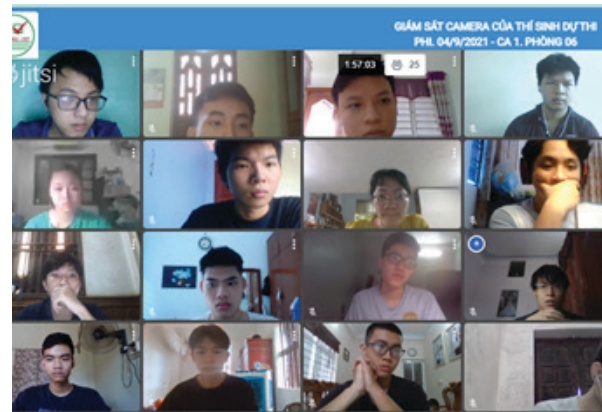
**HỆ THỐNG THI TRỰC TUYẾN CHO SINH VIÊN ĐHQGHN**

Bộ công cụ thi trực tuyến kết thúc học phần với quy mô lớn phục vụ hơn 2000 sinh viên ĐHQGHN được chuẩn hóa và phát triển phục vụ năm học 2020-2021. Hệ thống thi trực tuyến được phát triển trên nền tảng ứng dụng phần mềm thi bảo mật iTest kết hợp với camera giám sát. Mô hình tổ chức thi trực tuyến đáp ứng được các yêu cầu trong quản lý, giám sát tối đa sinh viên dự thi, cán bộ coi thi trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật số hiện có.

Bài thi được phát triển trên hệ thống thi trực tuyến tại địa chỉ

<https://thihpc.dgnl.edu.vn> có tích hợp camera giám sát trực diện sinh viên dự thi. Phần mềm thi chạy trên trình duyệt SEB (Safe Exam Browser) với đặc tính là thiết lập các kiểm soát hoạt động của máy thi theo yêu cầu của kỳ thi. Phương thức thiết lập được hướng dẫn cho sinh viên tự cài đặt theo tệp được Trung tâm Khảo thí cấu hình tải về từ địa chỉ <http://cet.vnu.edu.vn/home/tcko/tai-ve-va-cai-dat> và tệp này có mật mã để máy chủ nhận diện cho phép đăng nhập vào hệ thống thi.

Ngoài ra, hệ thống kết hợp thiết bị giám sát thứ hai kết nối với phòng Quản lý sinh viên dự thi trực tuyến của cán bộ coi thi. Thiết bị này yêu cầu phải kiểm soát được hình ảnh, âm thanh liên kết khu vực sinh viên dự thi và đồng thời có góc rộng trong diện tích khoảng 2m2 nơi sinh viên làm bài thi. Dựa trên phát triển và ứng dụng bộ công cụ kiểm tra đánh giá trực tuyến, Trung tâm Khảo thí đã tổ chức thi kết thúc học phần chung bằng hình thức trực tuyến cho 2.038 sinh viên năm học 2020-2021. Dữ liệu phân tích kết quả ban đầu chỉ ra sự tương đồng về điểm bài thi giữa 2 hình thức thi trực tuyến và trực tiếp. Việc tổ chức thi trên máy mang lại hiệu suất cao cho công tác tổ chức thi và quy trình tổ chức thi là phù hợp, đảm bảo khách quan, minh bạch và chính xác. Dữ liệu kết quả thi đánh giá chất lượng giảng dạy học phần và chất lượng học tập của sinh viên dựa trên kỹ thuật kiểm tra đánh giá hiện đại.



**PHÂN THÔNG TIN CÁ NHÂN**

CCD: Nguyễn Đăng Thủy Ngày sinh: 22/01/2003  
05619700 SBD: 002

**PHÂN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM VÀ CA THI**

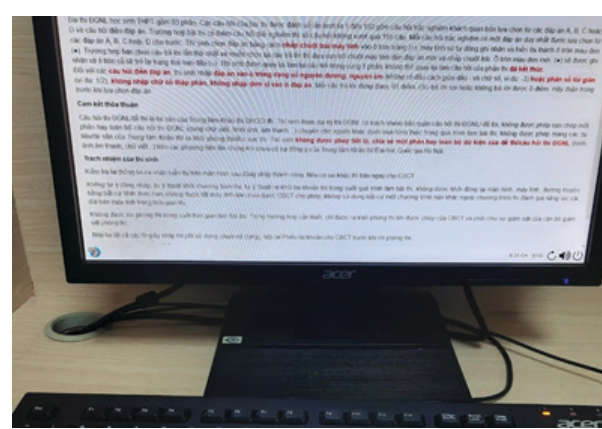
ĐGNL học sinh THPT 2021 Nơi thi: Trường Đại học Công Nghệ

Chon ...  
Chon ...  
22/05/2021  
23/05/2021  
29/05/2021  
30/05/2021  
31/05/2021

Thời, Đăng xuất

Đăng ký ca thi Nộp lệ phí Tra cứu

| ng điểm | Tư duy định lượng | Tư duy định tính | Kh... |
|---------|-------------------|------------------|-------|
| 01      | 41                | 30               | 30    |



**Liệu pháp  
tế bào gốc  
trong điều trị**

**COVID-19**



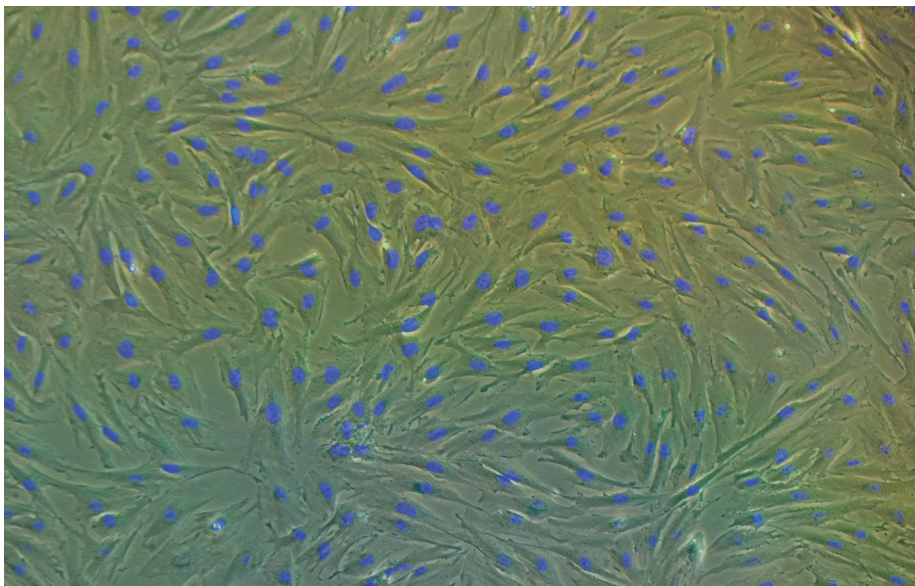
» **HOÀNG THỊ MỸ NHUNG, NGUYỄN XUÂN HÙNG,  
THÂN THỊ TRANG UYÊN, NGUYỄN LĨNH TOÀN**

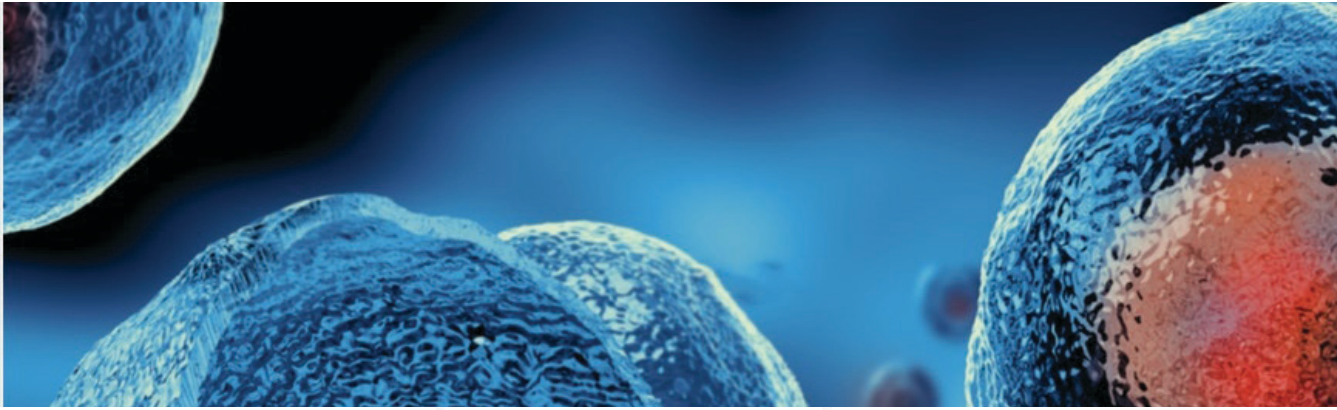
Vi-rút gây hội chứng hô hấp cấp tính nghiêm trọng (SARS-CoV-2) là một chủng coronavirus mới và là tác nhân gây ra đại dịch toàn cầu hiện nay của bệnh coronavirus 2019 (COVID-19). Tính đến ngày 23/9/2021, trên thế giới đã có khoảng 229,9 triệu ca mắc, với số lượng tử vong là hơn 4,7 triệu ca (<https://covid19.who.int>), tương đương 2,05%. Ở Việt Nam, số ca nhiễm tính đến ngày 24/9/2021 là 728,4 nghìn ca mắc với 18,02 nghìn ca tử vong (<https://ncov.moh.gov.vn/>), tương đương 2,5%.

Hiện nay, chỉ có duy nhất thuốc kháng vi-rút Veklury (remdesivir) được FDA chấp thuận cho điều trị COVID-19. Vắc-xin được coi là biện pháp hữu hiệu nhất trong phòng ngừa và giảm tỷ lệ mắc cũng như tỷ lệ tử vong một khi đạt “miễn dịch cộng đồng”. Tuy nhiên trước sự biến đổi liên tục của vi-rút, biện pháp này cũng còn rất nhiều thách

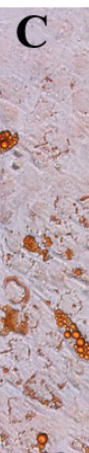
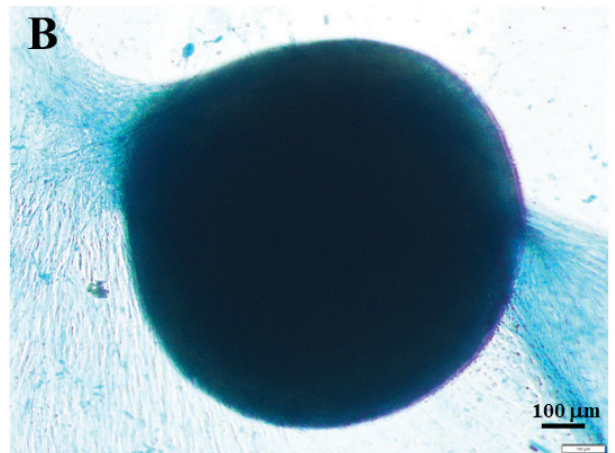
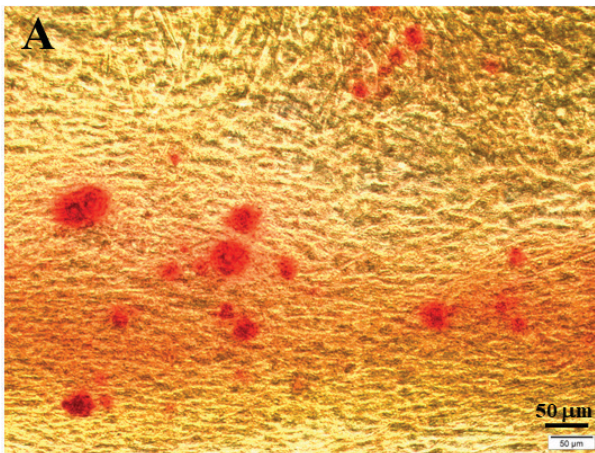
thức. Bằng chứng là nhiều nước đã tiêm vắc xin cho trên 60% dân số như Israel, Mỹ, Anh, Pháp, Ý,... hiện vẫn đang ghi nhận bùng phát số ca nhiễm. Mặc dù vắc-xin giúp giảm đáng kể số ca nặng khi nhiễm SARS-CoV-2, trong 1 tháng gần đây vẫn có hàng ngàn người chết vì COVID-19 ở các nước nêu trên, đặc biệt con số này ở Mỹ là trên 30 ngàn người. Vì vậy, nhu cầu cấp thiết vẫn là phát triển thêm các chiến lược điều trị để có thể ngăn chặn lây nhiễm SARS-CoV-2 một cách hiệu quả, đồng thời cứu sống được người bệnh.

Tế bào gốc trung mô (mesenchymal stem cell – MSC) là tế bào gốc trưởng thành đa năng có trong hầu hết các mô của con người, bao gồm cả dây rốn. Tế bào gốc trung mô có thể tự đổi mới bằng cách phân chia và có thể biệt hóa thành nhiều loại tế bào trong cơ thể. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các MSC bị thu hút đến các vị trí viêm dựa trên sự





**Biệt hóa MSC thành nguyên bào xương (A), sụn (B) và m**

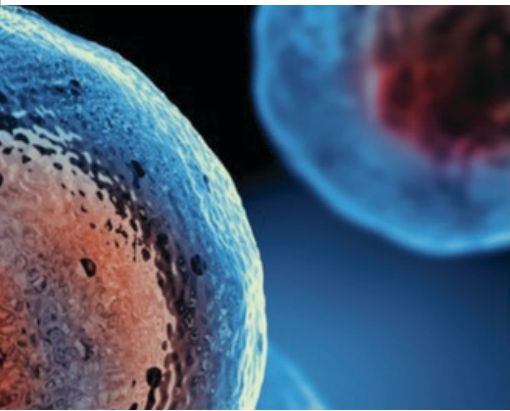


chênh lệch nồng độ của các cytokine tiền viêm và liên kết với các mạch máu tại đó để thực hiện chức năng điều hòa miễn dịch. Cơ chế điều hòa miễn dịch của MSC liên quan đến sự điều khiển quá trình hoạt hóa cũng như chức năng của các tế bào miễn dịch bẩm sinh và tế bào miễn dịch mắc phải, ngăn chặn sự xâm nhập của các tế bào miễn dịch vào phổi, và làm giảm sự phù phổi. Đặc biệt, các tế bào gốc trung mô còn tiết ra các yếu tố như GM-CSF, prostaglandin E2, Interleukin (IL)-6, IL-10, IL-13,... nhằm ngăn chặn hoặc làm suy giảm sự tiết các cytokine của các tế bào miễn dịch như tế bào DC, tế bào lympho T, tế bào diệt tự nhiên, và đại thực bào. Từ những nghiên cứu này, các nhà khoa học đưa ra giả thuyết rằng tế bào gốc trung mô có thể làm giảm tổn thương phổi cấp tính và ức

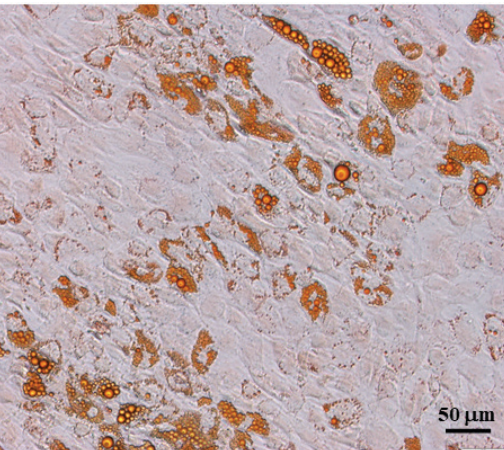
chế phản ứng viêm qua trung gian tế bào do SARS-CoV-2 gây ra. Hơn nữa, các MSC có khả năng kháng lại các vi-rút SARS-CoV-2 vì chúng thiếu thụ thể enzym chuyển hóa angiotensin 2 (ACE2) mà vi-rút sử dụng để xâm nhập vào tế bào.

Rất nhiều thử nghiệm lâm sàng liên quan đến việc truyền tế bào gốc trung mô để điều trị COVID-19 đã được thực hiện. Thống kê trên trang <https://clinicaltrials.gov/> cho thấy từ năm 2020 đến nay đã có hơn 60 thử nghiệm lâm sàng giai đoạn I/II, và 3 thử nghiệm pha III đã và đang diễn ra. Phần lớn các thử nghiệm tập trung điều trị cho nhóm bệnh

nhân COVID-19 nặng. Kết quả lâm sàng thu được từ các nghiên cứu này chỉ ra rõ ràng rằng: i) Ghép MSC đồng loài ở bệnh nhân COVID-19 mắc hội chứng suy giảm hô hấp cấp tính (acute respiratory distress syndrome – ARDS) là an toàn và đủ hiệu quả để làm giảm một nhóm các cytokine gây viêm có thể thúc đẩy cơn bão cytokine liên quan đến COVID-19; và ii) Ghép các MSC cải thiện một cách hiệu quả khả năng sống sót của bệnh nhân COVID-19 và rút ngắn thời gian hồi phục. Những phát hiện này hỗ trợ mạnh mẽ cho việc nghiên cứu sâu hơn về truyền MSC trong các thử nghiệm lâm sàng quy mô lớn hơn trên bệnh nhân ARDS COVID-19, những



h (C)



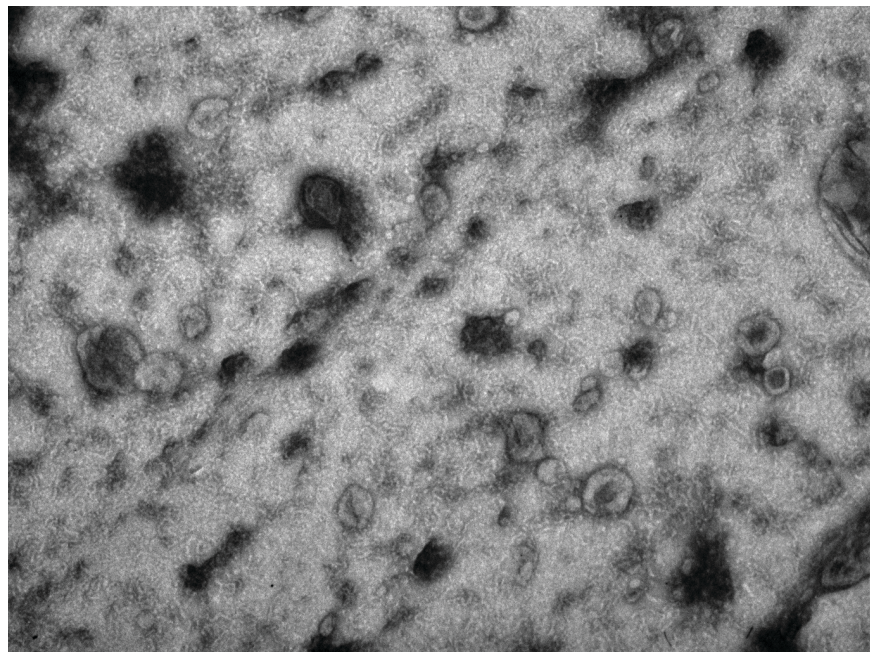
người hiện có tỷ lệ tử vong gần 50%.

Bên cạnh MSC, các thể tiết ngoại bào từ các tế bào này cũng được nghiên cứu thử nghiệm để điều trị COVID-19. Các thể tiết ngoại bào (Extracellular Vesicles - EVs), gồm cả exosome, là cấu trúc có màng bao quanh do tế bào tiết ra và tham gia vào quá trình giao tiếp giữa tế bào với tế bào bằng cách trung chuyển các phân tử thông tin. Một nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng sử dụng exosome từ MSC để điều trị các bệnh nhân mắc COVID-19 nặng đã sử dụng thuốc hydroxychloroquine và azithromycin không hiệu quả cho thấy 71% bệnh nhân hồi phục. Exosome được cho là chứa các phân tử thông tin có khả năng ngăn chặn cơn bão cytokin và tái khởi động cơ chế bảo vệ của cơ thể chống vi-rút. Nhìn chung các kết quả công bố ban đầu cho thấy đây là một liệu pháp an toàn, không gây tác

dụng phụ, có khả năng cải thiện tốt các triệu chứng bệnh như đưa số lượng bạch cầu trung tính về giới hạn bình thường, tăng số lượng tế bào lympho, và giảm các chỉ số của giai đoạn cấp tính, khôi phục khả năng dự trữ oxy. Dữ liệu cho tới thời điểm hiện tại cho thấy exosome có tiềm năng trong điều trị COVID-19. dựa trên các cơ chế như sau: i) Ngăn chặn bão cytokin; ii) Trung hoà virus; iii) Chống viêm; và iv) Vận chuyển các phân tử thuốc.

Đại dịch COVID-19 đã lan rộng khắp thế giới một cách nhanh chóng và gây ra cái chết cho hàng triệu người. Do SARS-CoV-2 là một vi-rút mới xuất hiện, nên cực kỳ khó khăn để phát triển các thuốc điều trị hữu hiệu. Mặc dù những bệnh nhân mắc

COVID-19 với các triệu chứng từ nhẹ đến trung bình có thể hồi phục thông qua điều trị chăm sóc tiêu chuẩn thông thường, nhưng hiện tại chưa có chiến lược điều trị hiệu quả nào dành cho bệnh nhân COVID-19 nặng và nguy kịch. Các kết quả nghiên cứu lâm sàng liên quan đến sử dụng tế bào gốc trung mô và sản phẩm từ tế bào gốc trung mô cho thấy hiệu quả điều trị mạnh mẽ và tính an toàn cao của liệu pháp, giúp làm giảm các triệu chứng nghiêm trọng của COVID-19. Vì vậy, để khẳng định vai trò của các MSC trong điều trị bệnh tại Việt Nam, cần tiến hành các thử nghiệm quy mô lớn về liệu pháp này để xác nhận hiệu quả lâm sàng của chúng.



Print Mag: 24100x @ 51 mm  
11:01:32 a 11/17/20  
TEM Mode: Imaging

500 nm  
HV=80.0kV  
Direct Mag: 12000x  
EMLab-NIHE

# COVID-19 QUA LĂNG KÍNH DU LỊCH

» PHẠM HỒNG LONG



## BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

COVID-19 là đại dịch bệnh truyền nhiễm với tác nhân là virus SARS-CoV-2 và các biến thể của nó đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Các ca nghi nhiễm đầu tiên ở Vũ Hán được báo cáo vào ngày 31/12/2019. Sự lây nhiễm virus nhanh chóng diễn ra ngoài phạm vi Trung Quốc, các nước đầu tiên ghi nhận ca nhiễm virus là Thái Lan, Nhật Bản. Vào ngày 30/1/2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tuyên bố đợt bùng phát virus Corona mới là tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng, với mức báo động cao nhất của WHO.

Cho đến nay, trải qua gần 2 năm đại dịch COVID-19 đã lan rộng trên phạm vi toàn cầu với mức độ nguy hiểm ngày càng cao lớn. Theo số liệu của WHO, đến ngày 20 tháng 9 năm 2021, có hơn 220 quốc gia và vùng lãnh thổ có bệnh nhân nhiễm COVID-19 với tổng số bệnh nhân là gần 230 triệu người, khoảng 4,7 triệu người qua đời vì đại dịch này (WHO, 2021).

Dịch COVID-19 đã gây ảnh hưởng nặng nề đến các ngành kinh tế đặc biệt là ngành du lịch, lượng khách du lịch sụt giảm mạnh, các hoạt động du lịch gần như đóng băng, các công ty du lịch, lao động du lịch tại nhiều quốc gia và Việt Nam rơi vào tình cảnh hết sức khó khăn.

## ĐẠI DỊCH COVID-19 TÁC ĐỘNG ĐẾN DU LỊCH THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

### *Tác động tới du lịch thế giới*

Theo báo cáo của Tổ chức Du lịch thế giới, lượng khách du lịch quốc tế đã giảm hơn 73% trong năm 2020 với số lượng giảm gần 1 tỷ lượt so với cùng kỳ năm 2019 và sụt giảm doanh thu là 935 tỷ USD, gấp hơn 10 lần so với sự sụt giảm doanh thu du lịch năm 2009, dưới sự tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Trong các khu vực trên thế giới chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, khu vực Châu Á và Thái Bình Dương chịu tổn thất nặng nề nhất với sự sụt giảm 82% lượng



khách quốc tế, cao nhất trên thế giới. Khu vực Trung Đông ghi nhận mức giảm 73%, trong khi Châu Phi giảm 69%, Châu Âu và Châu Mỹ đều giảm 68%.

### **Tác động tới du lịch Việt Nam**

#### *Lượng khách du lịch sụt giảm*

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2020 tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam chỉ đạt hơn 3,8 triệu - giảm 73,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm 2021, khách quốc tế đến Việt Nam giảm 97,6% so với cùng kỳ năm trước, ước đạt 88,2 nghìn lượt người và giảm ở tất cả các loại hình vận tải.

Nhu cầu du lịch trong nước xét tổng thể giảm vì thực hiện yêu cầu giãn cách xã hội, mặt khác, do tâm lý lo ngại dịch bệnh và sự sụt giảm thu nhập của người dân. Khách du lịch nội địa năm 2020 giảm 34,1% (đạt 56 triệu lượt).

#### *Doanh thu từ ngành du lịch sụt giảm*

Số lượng khách du lịch quốc tế và nội địa bất ngờ giảm mạnh đã kéo theo doanh thu

cho ngành du lịch bị sụt giảm nghiêm trọng. Doanh thu du lịch 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, giảm 51,8% so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương thực hiện giãn cách xã hội nên du lịch nội địa giảm mạnh như Hà Nội giảm 44,3%, Thành phố Hồ Chí Minh giảm 53,6%, Quảng Ninh giảm 36,6%,... Một số địa phương có khởi sắc đón khách nội địa trong quý I/2021, nhưng đợt dịch thứ 4 bùng phát khiến khách hủy phòng, hủy tour hàng loạt gây thiệt hại rất lớn cho cơ sở kinh doanh lưu trú và doanh nghiệp lữ hành.

#### *Khủng hoảng nguồn nhân lực du lịch*

Đại dịch COVID-19 đã khiến trên 95% doanh nghiệp du lịch phải đóng cửa, tạm dừng hoạt động, khoảng 20 - 30% doanh nghiệp du lịch có nguy cơ phá sản. Lực lượng lao động trong khu vực Du lịch - Dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề do tổng cầu giảm và thời gian dài để phục hồi các hoạt động du lịch. Trong 9 tháng năm 2020, ngành vận tải hàng không và ngành du lịch cắt giảm 30,4%

lực lượng lao động; ngành dịch vụ lưu trú giảm 29,9%; ngành hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí giảm 17,4%; và ngành ăn uống giảm 15,4%.

### **NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ ĐẠI DỊCH COVID-19**

Đại dịch COVID-19 đã cho chúng ta nhiều bài học sâu sắc và chúng ta sẽ phải rút kinh nghiệm để có thể dần thích nghi với tình trạng “bình thường mới”. Với bối cảnh đó, ngành Du lịch Việt Nam cần lưu tâm các bài học như:

Bài học đầu tiên là cần trang bị các kiến thức về quản trị khủng hoảng và xây dựng quỹ dự phòng khủng hoảng. Đây rõ ràng là lĩnh vực xưa nay chúng ta chưa chú trọng nhiều, nên khi đại dịch xảy ra, chúng ta còn có nhiều lúng túng trong việc quản trị khủng hoảng hay như còn thiếu nguồn ngân quỹ cho xử lý đại dịch.

Bài học tiếp theo là tránh bị phụ thuộc vào một thị trường hoặc sản phẩm. Trước đây, chúng ta làm du lịch thường chỉ chú trọng nhiều vào một số thị trường, ví dụ thị trường du lịch quốc tế, hoặc là một sản phẩm và không có đa dạng nên gần như các doanh nghiệp kinh doanh du lịch không thể chuyển đổi khi gặp những bất trắc hay là gặp những khó khăn như đợt dịch bệnh này.

Đại dịch cũng cho chúng ta thấy cần phải liên kết và hợp tác trong khủng hoảng.



Liên kết và hợp tác luôn là một yếu tố quan trọng cho một ngành kinh tế tổng hợp như du lịch, nhưng chưa bao giờ bài học về liên kết và hợp tác lại được các bộ ban ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan nhìn nhận nghiêm túc như trong thời gian khủng hoảng bởi đại dịch.

Bên cạnh đó là những bài học về sự linh hoạt trong giải quyết khủng hoảng, biến khó khăn thách thức thành cơ hội, hay làm thế nào để phát triển du lịch bền vững trong đại dịch, bài học về xây dựng sáng tạo những sản phẩm dịch vụ. Những bài học này cũng chính là những cơ hội để chúng ta “làm mới” và “sống động” lại ngành du lịch Việt Nam.

#### **XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRONG VÀ HẬU ĐẠI DỊCH COVID-19**

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến ngành du lịch thế giới và ngành du lịch Việt Nam nhưng đồng thời cũng mở ra nhiều xu hướng du lịch đến từ nhu cầu thực tế của du khách. Một số xu hướng triển vọng phát triển du lịch trong và sau đại dịch COVID-19 cụ thể như:

##### *Xu hướng du lịch nội địa - du lịch về nhà và du lịch tại chỗ*

Theo dự báo của Tổ chức Du lịch Thế giới, du lịch quốc tế sẽ mất từ 2,5 năm tới 4 năm để phục hồi sau đại dịch COVID-19. Với việc thực hiện các chính sách phòng, chống dịch bệnh và hạn chế đi lại, nhập cảnh, buộc ngành Du lịch Việt Nam phải chuyển hướng và tập

trung phát triển du lịch nội địa.

Những chuyến tham quan du lịch gắn liền với nghỉ ngơi ngắn ngày ở trong nước - “về nhà” và tại “quê hương” - xung quanh khu vực du khách sinh sống. Xu hướng du lịch tại chỗ (staycation) xuất hiện ngày càng nhiều trong năm 2021 kể từ sau đại dịch COVID-19. Xu hướng này hướng đến các tour du lịch khám phá địa phương thiết kế cho chính người dân địa phương với những hoạt động thường khám phá các địa danh, văn hoá mà nhiều du khách ít biết tới.

##### *Xu hướng du lịch biệt lập (isolated travel) du lịch xanh (green travel) gắn với những địa điểm thiên nhiên biệt lập và văn hóa bản địa*

Trong giai đoạn giãn cách xã hội, những yếu tố hướng đến đến những nơi gần gũi với tự nhiên, biệt lập và ít được biết đến trở nên hấp dẫn hơn. Các tour du lịch thường hướng tới phục hồi và bảo tồn các giá trị tự nhiên, môi trường, gắn với các xu hướng đi du lịch tích cực hơn như du lịch xanh, du lịch chậm để cảm nhận, tận hưởng cuộc sống sau những ngày dài giãn cách xã hội. Cho phép du khách thoát khỏi cuộc sống thực tại, được đắm mình vào thiên nhiên, tĩnh tại và cảm nhận dòng chảy của thời gian.

##### *Xu hướng du lịch nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe*

Theo dự báo của Tổ chức Du lịch thế giới, du lịch gắn với sức khoẻ sẽ tăng trưởng mạnh mẽ thời kỳ hậu COVID-19. Các loại hình nghỉ dưỡng kết hợp thể dục dưỡng sinh, thiền, yoga, trị liệu bằng khoáng chất, spa-thẩm mỹ, trải nghiệm ẩm thực, dinh dưỡng, cho phép du khách không chỉ phục hồi tái tạo sức lao động, mà còn giúp du khách thoải mái thư giãn, nuôi dưỡng tinh thần và làm đẹp thể chất. Đây cũng là xu hướng của những người coi trọng giá trị sức khỏe và tôn chỉ “sống chậm”.

Xu hướng du lịch không chạm, du lịch thông minh và tiếp cận chuyển đổi số trong tiêu dùng du lịch

Du lịch không chạm là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh hạn chế tiếp xúc phòng chống dịch bệnh. Không chạm khi đi du lịch trong và sau COVID-19 là hạn chế tiếp xúc giữa người với người, giữa con người và các vật dụng, bề mặt. Du lịch dựa trên nền tảng của công nghệ thông tin và truyền thông để phát triển sáng tạo các công cụ kỹ thuật số mang đến sự tương tác kết nối cao và nhanh trong chuyên tải những nội dung, thông điệp, dịch vụ du lịch. Du khách thông qua nền tảng số có nhu cầu “tự lựa chọn” cho mình những dịch vụ và loại hình du lịch “đơn lẻ” thay cho “trọn gói”.

*Xu hướng mở cửa đón khách du lịch quốc tế với hộ chiếu “vắc-xin” có điều kiện đảm bảo xét nghiệm và tiêm vắc-xin phòng COVID-19 đầy đủ*

Du khách sẽ nhận thức rõ hơn về nhu cầu đi du lịch đến các điểm đến và lựa chọn các dịch vụ du lịch giúp dễ dàng duy trì sức khỏe và an toàn hơn. Việt Nam cũng đã đưa ra lộ trình mở cửa biên giới và xây dựng chương trình “Hộ chiếu vắc-xin” dựa trên hiệu quả của các biện pháp phát triển du lịch trong bối cảnh mới ở các quốc gia khác.

#### **NHỮNG GIẢI PHÁP PHỤC HỒI PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẬU ĐẠI DỊCH COVID-19**

Có thể nói, ở thời điểm này, chúng ta cũng chưa thể khẳng định rằng khi nào có thể loại bỏ được dịch bệnh COVID-19. Để ngành du lịch có thể phục hồi thì cần có một hệ thống giải pháp căn cơ, cụ thể là:

- Tiêm chủng diện rộng sẽ là giải pháp “nền tảng” để giúp cho việc mở lại các hoạt động du lịch, kể cả du lịch nội địa và du lịch quốc tế. Những nhân sự chủ chốt ngành du lịch cần được đưa vào danh sách ưu tiên tiêm vắc-xin trong các đợt tiếp theo, càng sớm càng tốt. Những nhân sự này bao gồm nhân viên dịch vụ vận chuyển (cả đường bộ và hàng không), hướng dẫn viên, nhân viên tại những khách sạn, nhà hàng, những cơ sở vui chơi giải trí, mua sắm phục vụ khách du lịch.

- Sự tăng trưởng của thị trường khách du lịch nội địa sẽ là “chìa khóa” thúc đẩy phục hồi ngành du lịch. Trong thời gian tới, các địa

phương “vùng xanh” đã không chế được dịch bệnh, hoàn toàn có thể mạnh dạn và chủ động trong việc khai thác thị trường du lịch tại địa phương mình, hoặc liên kết song phương, đa phương với các địa phương nằm trong vùng an toàn khác để thúc đẩy mạnh khai thác thị trường khách du lịch nội địa.

- Cần chú trọng những chính sách để dần khai thác trở lại thị trường khách quốc tế đến (inbound), mở cửa với các thị trường “vùng xanh về phòng chống dịch COVID-19”. Hầu hết các nước và Việt Nam đều chủ trương với mục tiêu kép tập trung phòng chống dịch bệnh đồng thời phát triển kinh tế. Nhưng chúng ta sẽ không thể phát triển kinh tế nếu đóng cửa hoàn toàn với các quốc gia khác và trì hoãn du lịch quốc tế.

- Hợp tác liên kết giữa các hiệp hội và doanh nghiệp trong chuỗi giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ để đổi mới sáng tạo các sản phẩm du lịch sao cho phù hợp với xu hướng phát triển loại hình, sản phẩm và dịch vụ trong và sau đại dịch. Trong bối cảnh này sẽ đòi hỏi các doanh nghiệp phải thích ứng và liên kết hợp tác với nhau chặt chẽ thay vì tự thân, biệt lập để rồi dễ bị cô lập và phá sản.

- Nghiên cứu các chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp du lịch (đặc biệt là các doanh nghiệp lữ hành có vai trò là cầu nối giữa cung và cầu du lịch) về thuế, phí, thủ tục, trợ cấp; và giữ chân người lao động thu nhập để tránh một sự khủng hoảng nguồn nhân lực sau đại dịch.

- Truyền thông, quảng bá là cầu nối để khách du lịch biết đến và hiểu đúng về Việt Nam. Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, thì công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh điểm đến du lịch quốc gia tới bạn bè quốc tế càng trở nên dễ dàng và thuận tiện. Theo đó, việc truyền thông cần phải được đầu tư một cách bài bản chuyên nghiệp hơn, hướng tới truyền thông ở trên nhiều các kênh, diễn đàn thông tin khác nhau, trong và ngoài nước.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NGÂN HÀNG

## » VSL

Nhóm nghiên cứu Quản trị công ty trong ngân hàng (Corporate Governance in Bank) được công nhận nhóm nghiên cứu mạnh cấp Đại học quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) năm 2016, sau những thành tích và đóng góp vượt trội cho sự phát triển hệ thống tài chính ngân hàng ở Việt Nam và hoạt động nghiên cứu khoa học tại ĐHQGHN, góp phần khẳng định uy tín và vị thế nghiên cứu của Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN ở Việt Nam và khu vực.

Quản trị công ty trong ngân hàng được xem là một trong những vấn đề trọng yếu của sự phát triển hệ thống tài chính ngân hàng của mỗi quốc gia, đặc biệt với nền kinh tế phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng như hiện nay, và ảnh hưởng mạnh mẽ của xu thế hội nhập của hệ thống tài chính toàn cầu, nghiên cứu về quản trị công ty trong ngân hàng có vai

trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển lành mạnh, bền vững của hệ thống tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng ở Việt Nam và khu vực hiện nay.

Hoạt động từ tháng 12/2012 đến nay, Nhóm nghiên cứu đã phát triển mạnh với 15 thành viên trong đó trưởng nhóm là PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú, gồm các chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế, đến từ các đơn vị thành viên của ĐHQGHN (Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN (UEB), Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN (VJU) và ngoài ĐHQGHN (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam) và các trường đại học (ĐH) quốc tế (Lincoln, Anh, Swinburne of Technology, Úc, ĐH Alberta, Canada), Công ty tài chính quốc tế IFC, thuộc Ngân hàng Thế giới. Đồng thời, nhóm nghiên cứu cũng thu hút các nghiên cứu





GS. TS Dick Beason, Trường Đại học Alberta Canada, thành viên nhóm NCM tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Trường ĐHKT, ĐHQGHN, 2018-2019.

sinh (NCS), học viên cao học tham gia các đề tài dự án nghiên cứu, hỗ trợ NCS có công bố quốc tế gắn với chủ đề của luận án.

Nhóm nghiên cứu tập trung giải quyết các vấn đề về quản trị công ty trong ngân hàng như: Xây dựng bộ chỉ số đánh giá Quản trị công ty của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam; Vai trò của Quản trị công ty trong ngân hàng trong bối cảnh tái cấu trúc ở Việt Nam và khủng hoảng tài chính toàn cầu; Tác động của Quản trị công ty đến hiệu quả hoạt động của các NHTM; Kinh nghiệm xây dựng bộ chỉ số quản trị công ty trong ngân hàng trên thế giới; Tái cấu trúc ngân hàng, quản trị rủi ro trong ngân hàng thông qua các Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và Đề tài cấp nhà nước, các Dự

án quốc tế do WorldBank, IFC, AUSAIDS tài trợ.

Số bài báo được công bố của nhóm nghiên cứu (NNC) luôn tăng trưởng đều qua các năm. Đặc biệt, Nhóm luôn chú trọng đẩy mạnh các công bố quốc tế. Trong năm 2019 ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc của các bài đăng quốc tế, 18 trên tổng số 37 bài báo quốc tế trong giai đoạn 2016 - 2019, năm 2020 là 22 bài, trong đó có 12 bài trong danh mục ISI/Scopus. Ngoài ra, giai đoạn 2012 đến 2016, NNC đã xuất bản hơn 10 đầu sách chuyên khảo và giáo trình, giai đoạn 2017 đến nay NNC cũng đã xuất bản được 14 đầu sách giáo trình và sách chuyên khảo được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu, đào tạo đại học và sau đại học tại các trường ĐH về kinh tế

hàng đầu ở Việt Nam như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Ngoại thương và Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

Bên cạnh việc đẩy mạnh các bài báo công bố trong và ngoài nước, xuất bản sách, hàng năm từ năm 2012, nhóm nghiên cứu mạnh (NCM) là nòng cốt tổ chức thành công chuỗi Hội thảo Quốc gia chuyên sâu về tái cấu trúc ngân hàng, quản trị công ty trong ngân hàng và tài chính ngân hàng xanh, phối hợp với các ngân hàng và cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng như Công ty Tài Chính quốc Tế (thuộc Ngân hàng Thế giới), Bảo Hiểm tiền gửi Việt Nam, Ủy Ban giám sát tài chính quốc gia, Ngân hàng nhà nước và các NHTM hàng đầu ở Việt Nam

PGS.TS Trần Thị Thanh Tú tham gia Hội thảo quốc tế về “Thích ứng với biến đổi khí hậu” do Đại học Ibaraki, Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN và Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm KHXHVN đồng tổ chức, tháng 11/2020.



như Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank,...

Từ năm 2015, nhóm NCM phối hợp với các đại học danh tiếng trên thế giới tổ chức chuỗi Hội thảo quốc tế nhằm xây dựng diễn đàn trao đổi học thuật giữa các học giả trong nước với các chuyên gia, học giả hàng đầu trên thế giới, như “World Finance and Banking Symposium 2015” thu hút hơn 200 học giả từ hơn 50 trường ĐH trên thế giới, hội thảo năm 2017, phối hợp với ĐH Lincoln, Anh tổ chức thành công Hội thảo quốc tế “Financing for Entrepreneurship and Renewable Energy Development”, thu hút hơn 100 học giả trong nước và quốc tế. Tháng 01 năm 2020, NNC phối hợp với ĐH Massachusetts, Lowell Mỹ và Fulbright Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc tế CIFBA 2020 “Contemporary Issues in Finance, Banking and Accounting for Sustainable Development” với sự tham gia của hơn 100 học giả đến từ Mỹ, Anh, Úc, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc và Việt Nam.

Nhóm nghiên cứu quản trị công ty trong ngân hàng có đóng góp lớn cho sự phát triển đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

trong những năm qua. NNC đã chủ trì xây dựng và tuyển sinh thành công Khóa 1, chương trình Quản trị các tổ chức tài chính, là chương trình thạc sỹ chất lượng cao đầu tiên có ở Việt Nam, chủ trì xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) tiến sỹ Tài chính ngân hàng (TCNH), thạc sỹ nghiên cứu và Cử nhân chất lượng cao (CLC) tại Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, phối hợp với các trường đối tác của Khoa TCNH như SKKU (Hàn Quốc), Baltimore (Mỹ), Massachusetts (Mỹ), Swinburne (Úc), Lincoln, Manchester (Anh) để phát triển tư vấn xây dựng CTĐT, chuyên gia guest speaker, trao đổi giảng viên và sinh viên. Đặc biệt, nhóm nghiên cứu còn phối hợp với IFC và các tổ chức tài chính ngân hàng ở Việt Nam triển khai các khóa đào tạo ngắn hạn cho lãnh đạo cấp cao trong các tổ chức tài chính ngân hàng, từ năm 2014 đến nay, khẳng định uy tín của Khoa TCNH, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN trong việc nghiên cứu, tư vấn và đào tạo chuyên sâu về Tài chính ngân hàng nói chung và Quản trị công ty trong ngân hàng nói riêng.

Trong giai đoạn 2019-2025, NNC mở

rộng sang hướng nghiên cứu chuyên sâu về Tài chính xanh, là 1 trong 3 trụ cột của mô hình phát triển bền vững: Kinh tế, Môi trường và Quản trị công ty, tạo nên hướng nghiên cứu liên ngành giữa Kinh tế, Tài chính và Môi trường, Phát triển bền vững.

Năm 2020, nhóm đã hoàn thành và nghiệm thu Đề tài cấp Nhà nước “Phát triển hệ thống tài chính xanh nhằm thúc đẩy kinh tế xanh ở Việt Nam”, với 3 bài báo quốc tế ISI/Scopus và 1 sách chuyên khảo, 5 bài báo trong nước, tham gia đào tạo 1 NCS và 2 thạc sĩ. Năm 2021, nhóm được ĐHQGHN giao thực hiện đề tài trọng điểm “Mô hình doanh nghiệp tuần hoàn trong nền kinh tế Việt Nam” dự kiến sẽ phát triển nghiên cứu chuyên sâu về doanh nghiệp tuần hoàn và dự kiến xuất

bản Báo cáo thường niên về Kinh tế tuần hoàn.

Hội thảo Quốc tế “Những vấn đề đương đại trong phát triển bền vững” CCISD do Trường Đại học Việt Nhật đồng tổ chức với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, phối hợp với Câu lạc bộ nhà khoa học ĐHQGHN vào đầu tháng 12 năm 2021 sẽ góp phần tạo dựng nhóm nghiên cứu liên ngành về Tài chính và Phát triển bền vững của nhóm và các chuyên gia Nhật Bản. Nhóm cũng đang phối hợp cùng Viện Phát triển bền vững, Trường Đại học Việt Nhật và Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VinaSME) thực hiện nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, nhằm đóng góp vào sự thay đổi nhận thức, chuyển giao

công nghệ phát triển bền vững của các doanh nghiệp Nhật Bản cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Dự kiến đến năm 2025, nhóm nghiên cứu cùng các chuyên gia của Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN sẽ phối hợp với VINASME xây dựng Báo cáo về Phát triển bền vững doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, góp phần hiện thực hóa triết lý phát triển bền vững trong nghiên cứu khoa học và đào tạo của Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN đồng thời thúc đẩy các nghiên cứu liên ngành trong lĩnh vực xã hội nhân văn của ĐHQGHN, gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và tư vấn chính sách.



# HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG ĐOẠN KIỂM TRA LINH KIỆN TRONG DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

» TUYẾT NGA

“HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG ĐOẠN KIỂM TRA LINH KIỆN TRONG DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT” ĐƯỢC PGS. TS. BÙI THANH TÙNG - CHỦ TRÌ VÀ TS. NGUYỄN NGỌC AN CÙNG NHÓM NGHIÊN CỨU CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG (KHOA ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐHQGHN) THỰC HIỆN XUẤT PHÁT TỪ BÀI TOÁN THỰC TIỄN TRONG CÁC QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP DO DOANH NGHIỆP ĐỀ XUẤT.

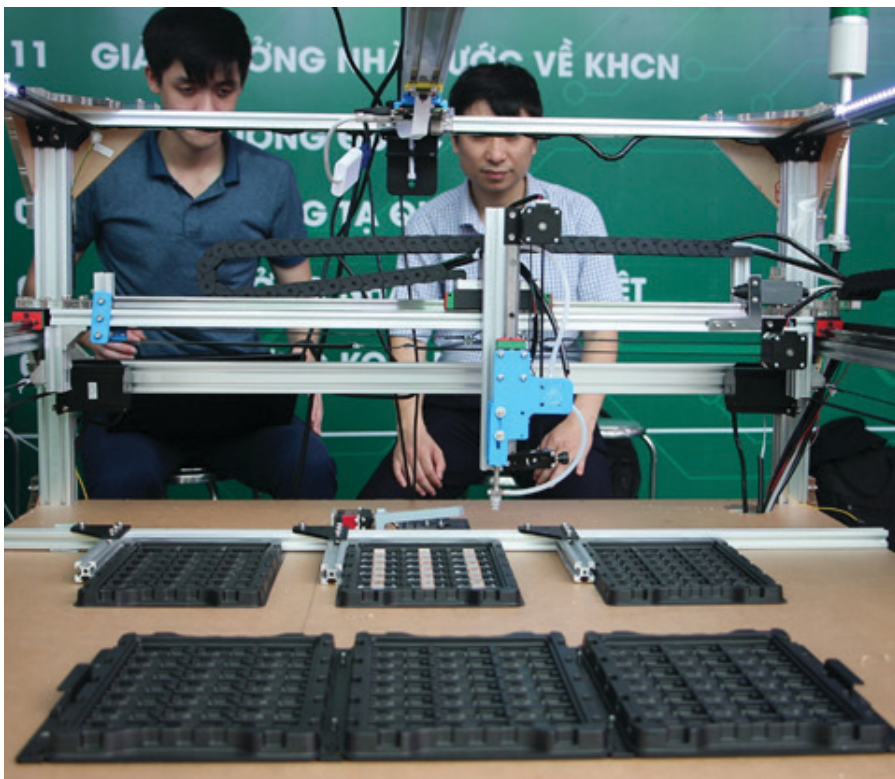
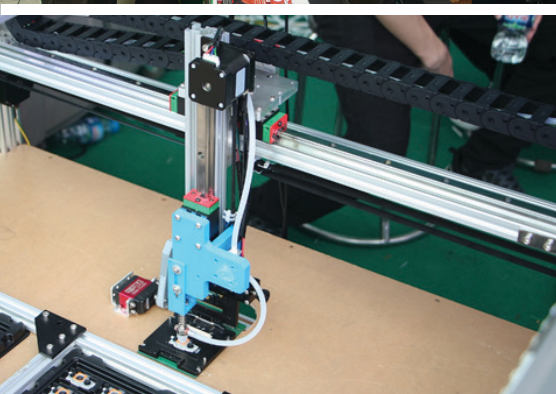
## KIỂM TRA SẢN PHẨM LÀ MỘT QUY TRÌNH THEN CHỐT CẦN ĐƯỢC TỰ ĐỘNG HÓA

PGS. TS. Bùi Thanh Tùng cho biết, nhóm nghiên cứu đã chủ động hợp tác, kết nối với các doanh nghiệp sản xuất hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao. Thông qua quá trình trao đổi với doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu tiếp nhận được các yêu cầu cần cải tiến quy trình công nghệ trong dây chuyền sản xuất công nghiệp, trong đó có khâu kiểm tra sản phẩm là công đoạn quan trọng trước khi quyết định sản phẩm được đưa ra thị trường. Do các thao tác kiểm tra có độ khó, đòi hỏi sự chính xác cao đối với cụm linh kiện gồm các chi tiết quang học, kết nối điện... cần kiểm tra cũng như thiết kế liên tục thay đổi theo các dòng sản phẩm khác nhau, quá trình kiểm tra được lặp đi lặp lại nhiều lần với số lượng sản phẩm cần kiểm tra lớn. Việc sử dụng nhân công phải làm việc liên tục trong thời gian dài, việc thao tác thủ công dễ dẫn đến sai sót do mệt mỏi, mất tập trung. Các doanh nghiệp vì thế mong muốn áp dụng tự động hóa vào quá

trình kiểm tra kết quả sản phẩm nhằm tránh ảnh hưởng của yếu tố tâm lý con người đến hiệu quả sản xuất.

Nhận thấy tính hiệu quả và khả năng áp dụng thực tiễn, nhóm nghiên cứu đã nhanh chóng triển khai nghiên cứu phát triển hệ thống tự động hóa công đoạn kiểm tra linh kiện trong dây chuyền sản xuất công nghiệp.

Dựa trên những thế mạnh sẵn có của nhóm nghiên cứu về cơ khí, điều khiển tự động hóa, kỹ thuật cảm biến, lập trình nhúng, lập trình giao diện người dùng và phát triển các sản phẩm định hướng ứng dụng, nguyên mẫu đầu tiên của hệ thống tự động hóa công đoạn kiểm tra linh kiện trong dây chuyền sản xuất đã được nghiên cứu phát triển trong thời gian rất ngắn. Hệ thống này được chế tạo nhằm tự động hóa công đoạn kiểm tra linh kiện cụm camera của điện thoại di động thông minh. Cụm linh kiện camera sau khi được đóng gói thành phẩm và kiểm tra hoạt động các cơ cấu quang học sẽ đến công đoạn kiểm tra hoạt động giao tiếp với bộ nhớ của cụm linh kiện, đảm bảo



linh kiện có thể hoạt động không sai sót. Hệ thống bao gồm một tay máy có nhiệm vụ định vị và gắp linh kiện đưa đặt vào vị trí kiểm tra. Hệ thống điện tử giao tiếp kiểm tra các kết nối và hoạt động của bộ nhớ để trả về vị trí phân loại ra các cụm linh kiện đạt được các thông số kỹ thuật theo yêu cầu hay không.

Hệ thống phát triển đã có thể thực hiện được động tác cơ bản lấy linh kiện, kiểm tra linh kiện và trả về khay kết quả “Đạt” hay “Lỗi”. Đồng thời, hệ thống cũng có chương trình giao tiếp với người dùng trong quá trình vận hành, cài đặt, kiểm tra linh kiện cũng như kiểm soát quá trình hoạt động của thiết bị.

### HƯỚNG ĐẾN CHUYỂN GIAO SẢN PHẨM TRONG CÔNG NGHIỆP

PGS. TS. Bùi Thanh Tùng cho biết, nhóm nghiên cứu đã sẵn sàng để chuyển giao thiết bị cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất linh kiện, kết cấu điện tử. Hệ thống có ưu điểm là giá thành không cao và có khả năng tùy chỉnh phù hợp với các cụm linh kiện khi thay đổi mẫu mã, do áp dụng các kỹ thuật cảm biến và điều khiển tiên tiến. Song song

với đó, nhóm nghiên cứu cũng đang tiếp tục hoàn thiện sản phẩm để hệ thống có thể hoạt động bền bỉ trong thời gian dài liên tục mà vẫn đảm bảo chính xác, tin cậy, đồng thời, có khả năng chống chịu được các điều kiện làm việc trong các nhà xưởng sản xuất. Nhóm nghiên cứu cũng mong muốn hoàn thiện kiểu dáng thiết bị tăng tính thẩm mỹ đồng thời tạo sự thuận tiện cho người sử dụng và phù hợp hơn cho thao tác của công nhân và không gian công nghiệp trong dây chuyền sản xuất.

Nhóm nghiên cứu khẳng định sản phẩm được nghiên cứu phát triển có tính năng tương đương với các sản phẩm nước ngoài trên thị trường hiện nay giá thành và thời gian giao hàng cạnh tranh do nhóm đã làm chủ về công nghệ.

Cũng theo PGS. TS. Bùi Thanh Tùng, với xu hướng thay thế lao động thủ công đơn giản

trong công nghiệp như hiện nay, nhu cầu tự động hóa, cải tiến quy trình trong sản xuất công nghiệp là rất lớn. “Hệ thống tự động hóa công đoạn kiểm tra linh kiện trong dây chuyền sản xuất tự động” chỉ là một trong những sản phẩm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đó. PGS. TS. Bùi Thanh Tùng khẳng định, việc nghiên cứu triển khai các sản phẩm có tính ứng dụng là một định hướng được Trung tâm Nghiên cứu Điện tử Viễn thông ưu tiên tập trung nguồn lực để phát triển. Qua những dự án hợp tác thực tế với doanh nghiệp như vậy, Trung tâm mong muốn đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp, trở thành cầu nối, thúc đẩy ứng dụng các nghiên cứu trong nhà trường vào các sản phẩm có tính ứng dụng, đáp ứng các thực tế nhu cầu xã hội.

# Điều trị COVID-19 ở Vương Quốc Anh

» VNU-JMPS

TIẾP NỐI BẢN TIN KH&CN ĐHQGHN SỐ 1 ĐÃ GIỚI THIỆU TỚI BẠN ĐỌC MỘT PHẦN NỘI DUNG KHUYẾN NGHỊ “QUẢN LÝ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN NGƯỜI LỚN NHẬP VIỆN MẮC COVID-19” CỦA ỦY BAN HƯỚNG DẪN ĐIỀU TRỊ COVID-19, VIỆN Y TẾ QUỐC GIA MỸ CÔNG BỐ (CẬP NHẬT NGÀY 08/07/2021), BẢN TIN KH&CN ĐHQGHN SỐ 2 GIỚI THIỆU HƯỚNG DẪN “ĐIỀU TRỊ COVID-19” CÔNG BỐ TRONG “HƯỚNG DẪN NHANH COVID-19: QUẢN LÝ COVID-19” DO VIỆN QUỐC GIA VỀ SỨC KHỎE VÀ CHĂM SÓC XUẤT SẮC VƯƠNG QUỐC ANH, XUẤT BẢN NGÀY 23 THÁNG 3 NĂM 2021 ĐỂ BẠN ĐỌC CÓ ĐIỀU KIỆN THAM KHẢO VÀ ĐỐI CHIẾU.

HƯỚNG DẪN NÀY ĐƯỢC XUẤT BẢN TRÊN TINH THẦN CẬP NHẬT CÁC THÔNG TIN MỘT CÁCH LIÊN TỤC ĐỂ BỔ SUNG CÁC THÀNH TỰU MỚI, ĐƯỢC THỪA NHẬN TRONG QUẢN LÝ COVID-19 VÀ TỪNG BƯỚC HƯỚNG TỚI TIẾP CẬN THEO CÁCH COI COVID-19 NHƯ LÀ MỘT PHẦN CỦA CUỘC SỐNG.



*Nguồn:*

1. NICE guideline Published: 23 March 2021 [www.nice.org.uk/guidance/ng191](http://www.nice.org.uk/guidance/ng191) ; <https://www.nice.org.uk/guidance/ng191/resources/covid19-rapid-guideline-managing-covid19-pdf-51035553326> (15/9/2021).
2. Therapeutic Management of Hospitalized Adults With COVID-19; <https://www.covid19treatmentguidelines.nih.gov/management/clinical-management/hospitalized-adults--therapeutic-management/> (11/08/2021).

# CÁC LIỆU PHÁP ĐIỀU TRỊ COVID-19

(Theo NICE guideline Published: 23 March 2021)

## 1. Corticosteroid

### Khuyến nghị mạnh mẽ

Chỉ định dexamethasone, hoặc hydrocortisone hoặc prednisolone khi không thể sử dụng hoặc không có sẵn dexamethasone cho những người mắc COVID-19, thuộc các nhóm:

- Cần liệu pháp oxy bổ sung để đạt được mức độ oxy bão hòa trong máu theo yêu cầu hoặc;
- Có mức độ thiếu oxy cần liệu pháp oxy bổ sung nhưng không có hoặc không dung nạp được.

Tiếp tục sử dụng corticosteroid trong tối đa 10 ngày trừ khi có chỉ định rõ ràng để ngừng thuốc sớm, như được xuất viện hoặc được chuyển sang khu chăm sóc chờ xuất viện sớm được bệnh viện giám sát (a hospital-supervised virtual COVID ward – một sáng kiến của Anh để giảm quá tải phòng cấp cứu).

Người bệnh được chuyển sang khu chăm sóc chờ xuất viện sớm được bệnh viện giám sát không được coi là đã xuất viện.

### Liều dùng cho người lớn

#### *Dexamethasone*

- Uống 6 mg, một lần mỗi ngày, trong 10 ngày (ba viên nén hàm lượng 2 mg; hoặc 15 ml dung dịch uống hàm lượng 2 mg/5 ml) hoặc
- Tiêm tĩnh mạch 6 mg một lần mỗi ngày, trong 10 ngày (liều 1,8 ml, ống dung dịch thuốc tiêm hàm lượng 3,3 mg/ml [5,94 mg])

Kê đơn các dạng thuốc dùng đường uống với những người có thể nuốt và không có vấn đề đáng kể nào về sự hấp thu qua đường tiêu hóa,

Chỉ kê đơn sử dụng đường tiêm tĩnh mạch khi không có các dạng thuốc uống hoặc người bệnh không nuốt được.

#### *Các lựa chọn thay thế phù hợp*

*Prednisolone*: 40 mg uống một lần mỗi



ngày trong 10 ngày.

***Hydrocortisone:*** tiêm tĩnh mạch 50 mg, cách 8 giờ một lần trong 10 ngày (dùng liều 0,5 ml dung dịch tiêm có hàm lượng 100 mg/ml; có thể dùng thuốc dạng bột pha dung dịch tiêm truyền khi có sẵn); liệu trình này có thể được tiếp tục cho đến ngày thứ 28 với những người bị sốc nhiễm trùng.

### **Liều dùng cho phụ nữ có thai**

Thực hiện theo hướng dẫn riêng (xem: Royal College of Obstetrics and Gynaecology guidance).

### **Liều dùng cho trẻ em trên 44 tuần tuổi hiệu chỉnh theo tuổi thai** (44-week corrected gestational age)

• ***Dexamethasone:*** liều 150 microgam/kg (dạng base) một lần mỗi ngày, trong 10 ngày bằng đường uống, qua ống xông dạ dày hoặc tiêm tĩnh mạch (tối đa 6 mg)

• ***Prednisolone:*** liều 1 mg/kg một lần mỗi ngày, trong 10 ngày bằng đường uống, qua ống xông dạ dày hoặc tiêm tĩnh mạch (tối đa 40 mg; liều có thể được làm tròn theo quy định trong thực hành lâm sàng).

Kê đơn các dạng thuốc dùng đường uống với những người có thể nuốt và

không có vấn đề đáng kể nào về sự hấp thụ qua đường tiêu hóa.

Chỉ kê đơn sử dụng đường tiêm tĩnh mạch khi không có các dạng thuốc uống hoặc người bệnh không nuốt được.

Để có thông tin đầy đủ và chi tiết các tác dụng phụ và chống chỉ định, hãy xem tờ đơn hướng dẫn của biệt dược sử dụng. Đối với trẻ lớn hơn 44 tuần tuổi đã điều chỉnh theo các tiêu chí rủi ro riêng (xem: the risk criteria set out in Royal College of Paediatric and Child Health guidance for assessing children admitted to hospital with COVID-19). Đối với trẻ sinh non có tuổi thai được điều chỉnh dưới 44 tuần, tham khảo lời khuyên của bác sĩ chuyên khoa.

### ***Điều kiện khuyến nghị chống chỉ định***

Không sử dụng thường xuyên corticosteroid để điều trị

COVID-19 ở những người không cần liệu pháp oxy bổ sung, trừ khi đã có các chỉ định điều trị khác.

## **2. Remdesivir**

### *Khái niệm*

Can thiệp thở máy xâm lấn: là bất kỳ phương pháp thông khí có kiểm soát nào được cung cấp thông qua một ống thông thanh quản hoặc mở khí quản, hoặc các phương pháp khác được cấp phép sử dụng trong cấp cứu hỗ trợ hô hấp nâng cao (advanced respiratory support).

Liệu pháp oxy bổ sung lưu lượng thấp: oxy được cung cấp bằng mặt nạ đơn giản hoặc ống thông mũi với tốc độ dòng chảy thường lên đến 15 lít/phút.

### **Khuyến nghị có điều kiện**

Cần nhắc chỉ định remdesivir





trong 5 ngày đối với bệnh viêm phổi do COVID-19 ở người lớn và thiếu niên từ 12 tuổi trở lên, cân nặng trên 40 kg, đang nằm viện và cần liệu pháp oxy bổ sung lưu lượng thấp.

Các tiêu chí để tiếp cận với liệu pháp remdesivir ở Anh được Trung tâm Dịch vụ Y tế Quốc gia (The National Health Service - NHS) qui định cụ thể (NHS England's Interim Clinical Commissioning Policy on remdesivir for patients hospitalised with COVID-19 (adults and children 12 years and older)), bản cập nhật tháng 6 năm 2021 bao gồm các tiêu chí đủ điều kiện chỉ định remdesivir ở những người bị suy giảm miễn dịch đáng kể.

Chỉ định sử dụng remdesivir cho phụ nữ mang thai theo qui định riêng (theo: the Royal College of Obstetrics and Gynaecology guidance on coronavirus (COVID-19) infection and pregnancy).

Remdesivir không được cấp phép cho điều trị COVID-19 ở trẻ em dưới 12 tuổi hoặc cân nặng dưới 40 kg.

### Sử dụng trong các nghiên cứu

Không dùng remdesivir cho bệnh viêm phổi do COVID-19 ở người lớn, thanh niên và trẻ em đang nằm viện và cần liệu pháp oxy bổ sung qua mũi lưu lượng cao, áp lực đường thở dương liên tục, can thiệp thở máy không xâm lấn hoặc xâm lấn, trừ khi trong trường hợp một nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng.

### 3. Tocilizumab

#### *Khái niệm*

Can thiệp thở máy xâm lấn: bất kỳ phương pháp thông khí có kiểm soát nào được cung cấp thông qua một ống thông thanh quản hoặc mở khí quản, hoặc các phương pháp khác được cấp phép sử dụng trong cấp cứu hỗ trợ hô hấp nâng cao (advanced respiratory support).



### Khuyến nghị mạnh mẽ

Chỉ định tocilizumab cho người lớn nhập viện mắc COVID-19 trong các trường hợp sau:

- Đang dùng hoặc đã hoàn thành một đợt điều trị bằng corticosteroid như dexamethasone, trừ khi không thể có corticosteroid;
- Không có chỉ định khác dùng thuốc ức chế interleukin-6 trong lần nhập viện;
- Không có bằng chứng về nhiễm trùng do vi khuẩn hoặc vi rút (trừ SARS-CoV-2) có thể chuyển sang tình trạng bệnh tồi tệ hơn do tocilizumab;

Và các trường hợp khác như:

- Cần liệu pháp oxy bổ sung và có mức protein C hoạt tính từ 75 mg/lít trở lên, hoặc
- Trong vòng 48 giờ sau khi bắt đầu thở oxy lưu lượng cao, áp lực đường thở dương liên tục, can thiệp thở máy không xâm lấn hoặc xâm lấn.

Vào tháng 4 năm 2021, giấy phép cấp cho tocilizumab không bao gồm chỉ định cho COVID-19. (xem: NICE's information on prescribing medicines for more about off-label and unlicensed use of medicines).

Tocilizumab được khuyến cáo sử dụng một liều đơn, 8 mg/kg thể trọng, theo đường truyền tĩnh mạch. Tổng liều không được vượt quá 800 mg.

Sử dụng tocilizumab cho phụ nữ có thai, có hướng dẫn riêng (theo: the Royal College of Obstetrics and Gynaecology guidance on coronavirus (COVID-19) infection and pregnancy).

Để biết đầy đủ chi tiết về các tác dụng phụ và chống chỉ định, xem nội dung tờ thông tin hướng dẫn của sản phẩm.

Sử dụng trong các nghiên cứu

Cần nhắc chỉ định dùng tocilizumab cho trẻ em và thanh niên mắc COVID-19 nặng hoặc trẻ em từ 1 năm tuổi trở lên mắc hội chứng viêm đa hệ thống và chỉ trong các nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng.

#### 4. Sarilumab

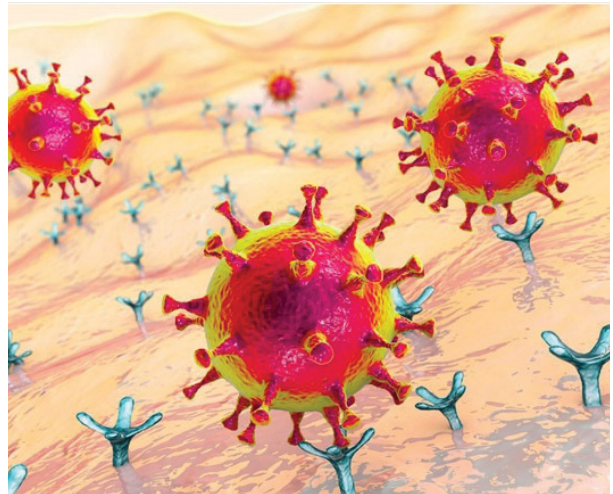
##### *Khái niệm*

Can thiệp thở máy xâm lấn: bất kỳ phương pháp thông khí có kiểm soát nào được cung cấp thông qua một ống thông thanh quản hoặc mở khí quản, hoặc các phương pháp khác được cấp phép sử dụng trong cấp cứu hỗ trợ hô hấp nâng cao (advanced respiratory support).

##### **Khuyến nghị có điều kiện**

Cần nhắc sử dụng sarilumab cho người lớn nhập viện mắc COVID-19 nếu không thể sử dụng tocilizumab hoặc không có sẵn. Sử dụng các tiêu chí đủ điều kiện để chỉ định tương tự như với trường hợp tocilizumab như:

- Đang dùng hoặc đã hoàn thành một đợt điều trị bằng corticosteroid như dexamethasone,



trừ khi không thể có các thuốc đó.

- Không có chỉ định khác dùng thuốc ức chế interleukin-6 trong lần nhập viện;
- Không có bằng chứng về nhiễm trùng do vi khuẩn hoặc vi rút (trừ SARS-CoV-2) có thể chuyển sang tình trạng bệnh tồi tệ hơn do sarilumab;

Và các trường hợp khác như:

- Cần liệu pháp oxy bổ sung và có mức protein C hoạt tính từ 75 mg/lít trở lên, hoặc
- Trong vòng 48 giờ sau khi bắt đầu thở oxy lưu lượng cao, áp lực đường thở dương liên tục.

Vào tháng 4 năm 2021, giấy phép cấp cho sarilumab không bao gồm chỉ định cho COVID-19. (xem: NICE's information on prescribing medicines for more about off-label and unlicensed use of medicines.).

Liều sarilumab được khuyến cáo truyền tĩnh mạch liều đơn 400 mg.

Để sử dụng sarilumab cho phụ nữ có thai, theo hướng dẫn riêng (Theo: the Royal College of Obstetrics and Gynaecology guidance on coronavirus (COVID-19) infection and pregnancy).

Để biết đầy đủ chi tiết về các tác dụng phụ và chống chỉ định, xem nội dung tờ thông tin hướng dẫn của sản phẩm.

#### 5. Heparin trọng lượng phân tử thấp

Để biết các khuyến nghị về việc sử dụng heparin trọng lượng phân tử thấp trong điều trị, xem phần dự phòng huyết khối tĩnh mạch (xem: the section on venous thromboembolism(VTE) prophylaxis).

## 6. Bổ sung vitamin D

Để biết các khuyến nghị về vitamin D, xem hướng dẫn nhanh về vitamin D của NICE COVID-19 (xem: the NICE COVID-19 rapid guideline on vitamin D).

## 7. Thuốc kháng sinh

Thuốc kháng sinh không nên sử dụng để ngăn ngừa hoặc điều trị COVID-19 trừ khi có biểu hiện lâm sàng nghi ngờ có thêm nhiễm khuẩn cơ hội. Xem: the section on suspected or confirmed co-infection

Xem thêm các khuyến nghị về azithromycin và doxycycline trong phần điều trị COVID-19.

## 8. Azithromycin

### Khuyến nghị chống chỉ định mạnh mẽ

Không sử dụng azithromycin để điều trị COVID-19.

## 9. Colchicine

### Khuyến nghị chống chỉ định mạnh mẽ

Không kê đơn colchicine cho những người đang nằm viện để điều trị COVID-19.

NICE biết rằng có bằng chứng mới được công bố về colchicine trong nghiên cứu thử nghiệm RECOVERY, và điều này đang được xem xét.

### Sử dụng trong các nghiên cứu

Chỉ sử dụng colchicine để điều trị COVID-19 trong cộng đồng khi được thiết kế trong một nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng.

## 10. Doxycycline

### Không được khuyến nghị

Không sử dụng doxycycline để điều trị COVID-19 trong cộng đồng.

## 11. Các phương pháp điều trị COVID-19 đang được cân nhắc

NICE hiện liên tục xem xét các phương pháp điều trị COVID-19 mới và đã có để cập nhật hướng dẫn tiếp cận theo cách coi COVID-19 như là một phần của cuộc sống.

(xem: Update information | COVID-19 rapid guideline: managing COVID-19 | Guidance | NICE).





# TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ HÌNH PHẠT

## » TUỆ ANH

Tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt là những vấn đề cơ bản, cốt lõi của luật hình sự các quốc gia trên thế giới, trong đó có luật hình sự Việt Nam. Bởi lẽ, suy cho cùng, có thể xem “khởi nguồn” của luật hình sự là vấn đề tội phạm và kết thúc là việc giải quyết chính xác, công minh, có căn cứ và đúng pháp luật vấn đề trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với chủ thể đã thực hiện tội phạm này. Do đó, “tính đồng bộ, tính hoàn thiện, tính chỉnh thể của luật hình sự đòi hỏi sự đồng bộ trong việc giải quyết các vấn đề tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt với tính cách là các vấn đề gốc của ngành luật này”. Hơn nữa, giải quyết bất kỳ vụ án hình sự nào cũng xoay quanh vấn đề xác định chính xác về tội phạm, trách nhiệm hình sự (sau khi đã xác định tội phạm) từ đó quyết định hình phạt (xác định chế tài hình sự), bảo đảm xử lý đúng chủ thể phạm tội, đúng tội và đúng pháp luật, bảo đảm mối quan hệ giữa một bên là chế độ Nhà nước, an ninh, an toàn lợi ích quốc gia và quốc tế; trật tự, kỷ cương và pháp chế; tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân với một bên là chủ thể phạm tội đã xâm hại đến một hay nhiều lợi ích đó.

Bộ luật Hình sự đầu tiên năm 1985, sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992 và 1997 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 1985), Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 1999) (tạm gọi là quá khứ) đã quy định trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) (tạm gọi là hiện tại) đã có những sửa đổi, bổ sung mang tính đột phá về tư duy trong chính sách hình sự khi quy định thêm vấn đề trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội, qua đó, từng bước đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển xã hội. Đặc biệt, đặt trong bối cảnh trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam đang diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) - cuộc cách mạng chưa từng có trong lịch sử nhân loại, là sự kết hợp của công nghệ trong các lĩnh vực vật lý, số hóa và sinh học, vào thời đại công nghệ thông tin kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, vạn vật đều kết nối Internet và các hệ thống kết nối Internet diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Cách mạng công nghiệp 4.0 đã đưa đến những khả năng hoàn toàn đột phá và có tác động sâu sắc đối với các hệ thống chính trị, xã

hội, kinh tế, văn hóa của thế giới, trong đó có nước ta. Hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng, trong đó có vấn đề trách nhiệm hình sự và hình phạt cũng không thể nằm ngoài những tác động to lớn của cuộc cách mạng này.

Là một trong những cơ sở đào tạo có uy tín cao, với 45 năm hình thành và phát triển (1976 - 2021), Khoa Luật, ĐHQGHN, luôn chú trọng xây dựng và phát triển môi trường học thuật mang tính tiên phong, khai phóng và dẫn dắt khoa học. Do đó, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, giảng dạy thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự, cũng như phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó, Khoa Luật tổ chức biên soạn cuốn sách “Trách nhiệm hình sự và hình phạt”.

Với cách tiếp cận nhằm phát triển tư duy cho người học ở bậc sau đại học, nên cuốn sách đã luận giải mối liên hệ giữa trách nhiệm hình sự và hình phạt trước để người học nhận biết sự tác động qua lại lẫn nhau, mặc dù có cùng chung nguyên nhân phát sinh nhưng cơ sở áp dụng trách nhiệm hình sự và cơ sở áp dụng hình phạt lại khác nhau, trách nhiệm hình sự là nội dung nhưng hình phạt lại là biểu hiện hình thức của trách nhiệm hình sự... sau đó mới tiếp tục làm sáng tỏ những nội dung cốt lõi nhất của “trách nhiệm hình sự” và “hình phạt”. Đây là nội dung của phần Đặt vấn đề.

Trên cơ sở này, cuốn sách bao gồm ba phần chính với các nội dung như sau:

### **Phần thứ nhất - Trách nhiệm hình sự**

Nội dung Phần thứ nhất luận giải đến những vấn đề cốt lõi nhất về trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội (khái niệm, các dạng của trách nhiệm hình sự, các hình thức thực hiện và các giai đoạn thực hiện trách nhiệm hình sự, cơ sở và những điều kiện của trách nhiệm hình sự, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hình sự với việc loại trừ trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp đặc biệt); về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội (quan điểm và những cách xác định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự, cơ sở lý luận và thực tiễn, điều kiện và phạm vi áp dụng

trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội, cũng như vấn đề quy kết tội phạm đối với chủ thể này).

### **Phần thứ hai - Hình phạt**

Nội dung Phần thứ hai phân tích những vấn đề cơ bản nhất về hình phạt (các học thuyết về hình phạt, khái niệm, đặc điểm, mục đích của hình phạt), hệ thống hình phạt đối với người phạm tội và đối với pháp nhân thương mại phạm tội, khái niệm, ý nghĩa và các yếu tố đảm bảo hiệu quả của hình phạt trên các phương diện khác nhau - lập pháp, quyết định hình phạt, chấp hành hình phạt và về môi trường xã hội liên quan đến áp dụng, tổ chức thực thi, chấp hành hình phạt. Cùng với đó, trong Phần thứ hai này, Giáo trình cũng làm sáng tỏ miễn hình phạt, biện pháp tư pháp với tư cách cũng là các hình thức (thực hiện) của trách nhiệm hình sự, góp phần hỗ trợ cho hình phạt đạt được mục đích tối đa nhất.

### **Phần thứ ba - Trách nhiệm hình sự và hình phạt trong luật hình sự Việt Nam tương lai**

Nhằm phục vụ người học là học viên cao học, nghiên cứu sinh chuyên ngành Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự, cũng như định hướng nghiên cứu, gợi mở ý tưởng khoa học và phát triển tư duy, tại Phần thứ ba này, Giáo trình đã gợi mở hướng nghiên cứu mới với cách tiếp cận liên ngành - khoa học luật hình sự, kết hợp với khoa học viễn tưởng, công nghệ học, tâm lý học, ngôn ngữ học và giáo dục học, giả định viễn cảnh tương lai trong Bộ luật Hình sự “năm nào đó” (tạm gọi là tương lai) bổ sung thêm trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với thực thể trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence, viết tắt là AI), từ đó định hình các mô hình giả định ứng phó kịp thời cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ và sự phát triển của xã hội và trước những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới.

“Trách nhiệm hình sự và hình phạt” có sự tham gia của các nhà lý luận hàng đầu và có uy tín khoa học cao - GS.TSKH. Đào Trí Úc, GS.TSKH. Lê Văn Cẩm, PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn do PGS.TS. Trịnh Tiến Việt làm chủ biên cùng giảng viên TS Nguyễn Thị Lan đều công tác tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.